

BẢN LUẬN QUYỂN 72

Dưới đây là thứ mười một, quyết định lựa chọn Địa Bồ-tát. Có văn của tám quyển rưỡi, trong đó, trước, là kết trên, sinh dưới. Sau chính thức quyết định lựa chọn rộng.

Y cứ trong chanh quyết định lựa chọn, nếu theo Bản Địa Bồ-tát thì có bốn thứ xứ Du-già. Nay trong đây, quyết định lựa chọn ba thứ trước, lược không quyết định lựa chọn thứ lớp Du-già, vì ngoài ba Trì không có tự Thể của pháp thứ tư riêng để được.

Y cứ vào văn trong quyết định lựa chọn ba trì, được chia làm hai: trước, là theo thứ lớp quyết định lựa chọn ba trì. Sau, dẫn kinh Bảo Tích, để giải thích mười sáu pháp môn.

Y cứ quyết định lựa chọn ba trì trước, tức là ba đoạn:

1- Trước, quyết định lựa chọn Du-già sơ trì kế là từ phẩm công đức đã nói như thế” trở xuống, quyết định lựa chọn Du-già Tùy pháp trì.

3- Từ “hỏi, như trước đã nói một trăm bốn mươi Bất Cộng Phật pháp “trở xuống, quyết định lựa chọn Du-già Cứu cánh trì.

Y cứ quyết định lựa chọn sơ trì, chỉ quyết định mười sáu phẩm trong Du-già, không quyết định bốn nhiếp, phẩm vô lượng cúng dường thân cận. Vì nghĩa văn rõ ràng, nên không còn quyết định lựa chọn.

Y cứ trong quyết định mười sáu phẩm, được chia làm mười một đoạn:

1- Quyết định chọn phẩm chủng tánh.

2- “Lại nữa, mười thứ phát tâm “trở xuống, là phẩm Quyết Phát Tâm

3- “Lại nữa, Bồ-tát có chín chánh hạnh v.v...” trở xuống, quyết định lựa chọn phẩm tự lợi tha.

4- “Lại nữa, nếu muốn biết rõ v.v...” trở xuống là quyết định phẩm Chân Thật Nghĩa.

5- Như thế, đã nói phần nghĩa chân thật”trở xuống:là quyết định phẩm Oai Lực.

6- “Lại nữa, ở trong Đại Thừa v.v...” trở xuống, là quyết định phẩm thành tựu.

7- “Lại nữa, như văn sở thành địa v.v...” trở xuống, quyết định phẩm Bồ-đề.

8- “ Thế nào là hay khen ngợi v.v...” trở xuống, là quyết định phẩm Lực Chủng Tánh.

9- “Lại nữa, như các Bồ-tát đã thực hành tuệ thí” trở xuống, quyết

định lựa chọn sáu phẩm như thí v.v...

10- “Lại nữa, trụ theo quán thân” trở xuống, quyết định phẩm Bồ-đề phần.

11- “Lại nữa, đối với Đại thừa v.v...” trở xuống, là quyết định phẩm Công Đức.

Đầu tiên nói: “như thành lập chủng tánh Thanh văn, phải biết rằng, Bồ-tát cũng giống như thế”. Đây là nói về nghĩa có hay, không chủng tánh Bồ-tát, đại khái giống như thuyết của Địa Thanh văn nói.

Thứ hai, trong phần nói về phát tâm trì, trước, là nói về mười thứ phát tâm. Sau, nói về bốn thứ thường giữ gìn tâm.

Trong phần trước, phát tâm có mười, tức là năm cặp. Luận sư Cảnh nói: “Xưa, phán quyết ba trì gồm có nhiều thứ: có thuyết nói: “Mười giải là chủng tánh trì: Mười hạnh gọi là phát tâm trì: Thập Hồi hướng trở đi, gọi là hành phương tiện trì”.

Có thuyết nói: “Thập Tín là chủng tánh; Thập giải là phát tâm. Thập hạnh trở lên, là hành hương tiện. Nay, theo luận phán quyết, nếu ở trước đã thành chủng tánh, chưa khởi hiện hạnh thì gọi là giai vị chủng tánh. Như luận trước đã nói là Thập Tín trở xuống, gọi là chủng tánh. Trì; Thập Tín, tức gọi là phát tâm; Thập giải trở lên, gọi là pháp Bồ-đề phần. Nếu y cứ vào hai thứ: Tánh, tập, thì đều gọi là chủng tánh, tức là Thập Tín và Thập Tín trở xuống đều gọi là chủng tánh trì. Thập giải có phát tâm trụ, tức là phát tâm trì. Thập hạnh trở đi, gọi là Bồ-đề phần pháp. Hoặc y cứ ở chưa khởi hiện hạnh vô lậu trong tăng-kỳ đầu của Địa tiên, đều gọi là chủng tánh trì. Tăng-kỳ thứ hai, gọi là phát tâm, vì Sơ địa trở lên, chân chứng phát tâm. Tăng-kỳ thứ ba, đạo không có dụng công, gọi là Bồ-đề phần pháp, trong Bồ-tát địa chưa nhập kiến đạo, chỉ dựa vào định hữu lậu để nói, chủ yếu là kỳ hạn nhiếp thọ, gọi là thế tục thọ phát tâm, được nhập trên Sơ địa, chứng “hai không” hiển bày chân như, tức gọi là chân chứng phát tâm. Và, hồi hướng trên bốn quả Thanh văn, đã chứng nhân không, làm sáng tỏ chân như, cũng gọi là pháp tánh phát tâm. Một cặp này thuộc về hết phát tâm, bốn cặp còn lại, vì môn khác nhau, nên đến.

Người không có chủng tánh, quá duyên tạm thời phát mà không quyết định. Giả sử chủng tánh của Bồ-tát, Thập Tín trở xuống dù có hạt giống của Đại thừa, nhưng vì chưa thu tập lâu, nên vẫn có lui sụt, gọi là bất tịnh. Trái lại, gọi là quyết định phát tâm. Đây là ý nói thuộc về hết nghĩa phát tâm. Kế là, đối với cặp tịnh, bất tịnh, rất dễ hiểu.

“Cho đến rằng, đã thành quả phát tâm”, nghĩa là Như lai đã có

phát tâm. Hỏi: “Ở nhân chưa mãn có thể phát tâm. Quả của Phật địa đã mãn, sao gọi là phát tâm?” dưới đây sẽ dẫn kinh để đáp:

“Như đạo Thế Tôn đã nói cho đến” cũng muốn cho cõi khác cùng chứng Bồ-đề”. Y đáp rằng, ở giai vị Phật tự chánh nguyện viên mãn, chỉ Đức Phật muốn cho cõi khác chứng Bồ-đề, gọi là Phật phát tâm”.

Mười phát tâm này, nhiếp, bất nhiếp v.v... đều có rất nhiều nghĩa, không thể nêu rộng, nên nói rằng: “Lại, không biểu hiện nữa”.

Pháp sư Thái nói: “Đã phát tâm, nghĩa là Như lai địa đã có phát tâm, vì tâm khởi ở quả Phật, nên gọi là phát tâm, chứ chẳng có điều mong cầu”.

Luận sư Khuy Cơ nói: “Người phát tâm thanh tịnh, bất thiện, chỉ do duyên ngoài mà phát tâm, chứ chẳng phải tự động phát khởi, nên gọi là không thanh tịnh. Thanh tịnh, thì trái lại, rất dễ biết.

Người phát tâm yếu kém, như có một người dù đã phát tâm Bồ-tát, nhưng vẫn còn bị các triền tham, sân, si, ràng buộc, che lấp, vì hàng phục, nên bỏ chánh hạnh, theo tà hạnh”.

Hỏi: “Tín v.v... trở xuống, là thuyết minh về bốn thứ gìn giữ tâm, vẫn thuộc về phát tâm, phải không?”

Đáp: “Phải nghĩa là phát tâm tương ứng với bốn thứ”.

Nói tư lương” Như địa Thanh văn đã nói mười ba tư lương v.v...

Thứ ba, trong phần nói về gia hạnh trì, phẩm lợi mình, lợi người (tự lợi, lợi tha) trong đó có ba:

- 1) Nói về chín chánh hạnh.
- 2) Nói về tà hạnh.
- 3) Nói tánh không kham nhận.

Trong phần đầu nói rằng: “Người thực hành chánh hạnh ở trong sinh, tử” nghĩa là như người bệnh, đã có bệnh đối với thuốc đắng cay, thực hành công hạnh khó làm ở trong sinh tử, như vì chữa bệnh, nên uống đắng cay thực hành công hạnh khó làm ở trong sinh tử, như vì chữa bệnh, nên uống thuốc đắng cay.

Nói “Người thực hành chánh hạnh ở tên tự thể”, nghĩa là như gia trưởng khéo léo đối với trẻ con chưa thành thực, tự xét mình là sai quấy, theo lẽ phải, chẳng hạn như gia trưởng kia giáo dục con cái của họ. Gia trưởng dụ cho công hạnh của Bồ-tát. Con trẻ chưa thành thực, dụ cho các đức hạnh chưa thành.

“Thực hành chánh hạnh ngay trong các dục”, nghĩa là như lái buôn, trên đường đi buôn mang theo vải lụa, vàng ngọc. Đối với cảnh năm dục, Bồ-tát thường gìn giữ các hạnh, như các người đi buôn bảo vệ

của cải khi vượt qua chặng đường đầy nguy hiểm.

Về hành động của thân, ngữ, ý đối với chánh hạnh, như người giặt áo đối với y phục. Bồ-tát tu trì ba thừa, như giặt, nhuộm áo, thực hành chánh hạnh trong Xa-ma-tha ở nội tâm, như chủ buôn nợ đối với người có rất nhiều của cải, có thể ủy thác cho họ.

Dựa vào định khởi hạnh, công hạnh sẽ không nghiêng động, như người để của cho kẻ đáng gửi gắm cho họ.

Thực hành chánh hạnh trong Tỳ-Bát-Xá-Na của pháp tuệ tăng thượng, như nhà ảo thuật khéo léo đối với các việc ảo thuật. Dựa vào tuệ khéo léo để tập khởi các hạnh, như nhà ảo thuật giỏi tập khởi trong các trò ảo thuật.

Kế là, nói về tà hạnh, trong đó: 1/ Nêu lên năm thứ có tánh, rất dễ hiểu. 2/ Nói về khởi tà hạnh. Luận sư Cảnh nói: “Tà hạnh trong đây, nói là ở trong đây, hoặc tạo nên gia hạnh, nghĩa là thực hành gia hạnh. Thực hành tà gia hạnh. Hoặc không làm gia hạnh, nghĩa là người không có tà gia hạnh, không có tâm cứu giúp, hoặc gia hạnh không lợi ích, nghĩa là có ý định cướp đoạt v.v... Hoặc gia hạnh trung dung, nghĩa là đối với năm cảnh này, dù khởi thân, ngữ, nhưng không làm tổn hại, không làm lợi ích, đều không có thương xót.”

Luận sư Tăng Huyền nói: “hoặc thực hành gia hạnh, nghĩa là đối với người cầu xin, lẽ ra phải ban cho của cải, vật dụng, đàng này trái lại, còn áp đảo, mắng nhiếc, nên nói là thực hành gia hạnh. Lại, không thực hành gia hạnh, nghĩa là đối với người gặp phải tai nạn nguy hiểm, không thực hành gia hạnh cứu giúp. Hoặc không gia hạnh lợi ích, nghĩa là có người ngu không có khả năng cúng dường.”

Gia hạnh trung dung, nghĩa là trong hai người sau, lẽ ra phải tạo nên gia hạnh của phẩm thượng là nói giáo pháp, mà lại thực hành gia hạnh trung dung (lưng chừng) không thể tổn ích.”

Dưới đây, là nói, tánh không kham nhận thì Chư Phật không cứu vớt. Quyết định lựa chọn năm thứ tánh không có kham nhận trong phẩm lợi mình, lợi người của Bản địa, trước, là nói không kham nhận. Sau trái lại, làm rõ kham nhận.

Trong phần trước, đã nói “Đối với gia hạnh không có tánh kham nhận, cho đến “tu chánh phương tiện”, người này đồng với chúng sinh khác, có pháp giáo Niết-bàn, đã tu hạnh Địa tiền trong nhiều thời gian, gọi là nối tiếp nhau đã thành thực. Nhưng do tạo tác thừa che lấp chánh hạnh, nên không có khả năng tu chánh hạnh trong hiện pháp, cũng có thể đây là y cứ vào chủng tánh của Thanh văn, đã ở trong nhiều đời

gieo trồng giải thoát phần và tu công hạnh thành tựu trong đời này. Do gặp phải duyên ác, tạo nên các nghiệp ác, không có khả năng tu chánh gia hạnh.”

Nói “Đối với quả kia được thành tựu xong, không có tánh kham nhận, cho đến thành xong quả kia, nghĩa là người này tu công hạnh địa, dù không có nghiệp ác che lấp chánh gia hạnh, nhưng do khi chưa thay đổi, nên không thể thành xong. Nhập quả của Sơ địa cũng có thể đây là y cứ ở người có tánh Thanh văn, dù không có nghiệp ác che lấp chánh gia hạnh, nhưng do thời gian tu chưa lâu, nên không hoàn thành quả Thánh đạo kia.”

Nói “Đối với gia hạnh và hoàn thành xong quả kia, không có tánh kham nhận cho đến “đều không kham năng”, đây là ở vào thời gian tu Địa tiền chưa lâu, nên không thể thành xong quả Thánh của Sơ địa. Lại tạo nghiệp ác, gây trở ngại cho tu chánh hạnh.”

Nói “Đối với nhiếp thọ, lợi ích, không có tánh kham nhận, cho đến “không có khả năng khiến cho người kia được giàu to, không có thiếu thốn, được yên vui. Với định nghiệp nghèo cùng, Chư Phật không cứu vớt.”

Thứ tư, văn trong quyết định lựa chọn phẩm chân thật nghĩa, chia làm hai phần:

1) Y cứ vào “ngũ sự” để nói nghĩa chân thật.

2) Y cứ ở ba tánh để nói.

Trong phần trước có hai:

1) Lược nêu năm sự, để làm rõ nghĩa thật.

2) Giải thích chính đáng năm việc.

Đầu tiên, nói rằng: “Nếu người muốn biết rõ nghĩa chân thật, tức là hai thứ chân thật và bốn thứ chân thật trong Bản địa phần.

Hai thứ chân thật: Như tánh sở hữu, cùng tận tánh sở hữu, bốn thứ chân thật, nghĩa là thế gian cực thành chân thật v.v...

Theo trong giải thích đúng, có hai bài tụng, bài tụng đầu có mười môn: Nêu chung là thứ nhất; phân biệt riêng là thứ hai; “có” là môn có “không” thứ ba; Thật: là Môn giả, thật thứ tư; Thế tục là thế tục Thắng nghĩa để phân biệt, là thứ năm; hoặc sinh thứ sáu; hoặc dị là thứ bảy; tướng là thứ tám; hành v.v... là thứ chín; sắc v.v... là thứ mười.

Dưới đây là văn xuôi, theo thứ lớp các môn để giải thích:

“Thế nào là năm sự? Cho đến năm chánh trí?” đây là giải thích nêu chung môn thứ nhất.

“Những gì là tướng?” Trở xuống, là giải thích môn phân biệt riêng

thứ hai. Trước nói về Thể, danh, sau tùy văn, giải thích thể. Đầu tiên, tướng có năm thứ nêu ra thể:

1. Nếu y cứ có tự Thể, gọi là tướng, thì năm pháp đều gọi là tướng.

2. Nếu y cứ danh, nói chỗ an lập đủ, gọi là tướng, tức chỉ trừ chân như, bốn pháp còn lại, gọi là tướng, vì đối với pháp lìa tướng vô vi, nên nói bốn pháp hữu vi, gọi là tướng. Lại tự tướng của bốn pháp sau cũng không thể nói, nay y cứ cộng tướng có thể giải thích nên nói bốn pháp kia được gọi là Tướng. Gần do cộng tướng có thể nói. Xa, do tự tướng không thể nói.

3. Nếu y cứ vào ba cõi, đối tượng duyên (sở duyên) của tâm và tâm sở, gọi là tướng, thì sẽ lấy ba pháp trước nói là tướng, do tướng gọi là phân biệt, đều là ba cõi, đối tượng duyên của pháp tâm, tâm sở.

Đạo lý của ba pháp như thế cũng là đối tượng duyên của Hậu trí xuất thế, vì theo đa số, nên phán quyết như thế.

4. Nếu y cứ vào tướng phần sở duyên của hữu lậu, gọi là tướng, chỉ lấy hai thứ tướng và danh làm tướng, vì không chấp kiến phần, nên trừ phân biệt.

5. Nếu y cứ cái không thuộc bốn pháp thì đều gọi là tướng, nghĩa là năm căn, năm trần hoàn toàn là sắc thuộc pháp xứ, trừ danh, cú, vi, hai mươi một bất tương ưng v.v... còn lại.

Thứ hai, là Danh; thứ tư là chân như, lai không có tiến, lùi, chỉ mỗi một thứ. Thứ ba là phân biệt, thứ năm là chánh trí, tiến, lùi không nhất định. Nếu chánh trí kia lấy tâm hệ thuộc ba cõi gọi là phân biệt, thì tức sẽ lấy chung hai trí Như Lý, Như lượng trong chánh trí làm thể. Nếu chỉ lấy trí vô phân biệt trong Chánh trí, thì trong phân biệt, sẽ lấy chung tâm hệ thuộc ba cõi và Trí Hậu đắc, trí như lượng và tâm làm phân biệt.

Kế là giải thích danh kia. Năm là danh số; sự là nghĩa thể. Từ số y cứ vào nghĩa đặt tên. Giải thích danh riêng, nghĩa là thể trạng biểu lộ, gọi là tướng. giải thích, kêu gọi, gọi là, Danh. Tâm và tâm sở hữu đã lo nghĩ, gọi là phân biệt, đều từ nghĩa là chánh trí. Trái với tà là chánh. Quyết đoán gọi là trí. Lìa vọng, xứng chân không khác, gọi là như. Từ nghĩa được tên gọi là. Đã quyết định thể, danh, sẽ tùy văn giải thích.

Thể nào là Tướng? Nghĩa là nếu nói lược thì, nói bàn sự việc chỗ an lập đủ: Văn này tức nói bốn pháp là tướng. Trong tướng này, chia ra danh khác; nói là ngay nơi tướng đã có “tăng ngữ”, tức nói danh này là “tăng ngữ”. Các pháp không có danh, gượng gạo đặt tên, nên gọi là

“tăng ngữ”. Chân như nghĩa là pháp vô ngã đã rạn vỡ v.v... Vì y cứ ở phần vượt hơn để luận, nên chỉ nói là: “Pháp vô ngã”.

Trong giải thích Chánh trí có hai:

1- Chia ra chương, hỏi, đáp, phân biệt.

2- Dẫn thuyết chứng thành thuộc đương nghĩa.

Nói “lại do Chánh trí này, nên các Bồ-tát kia đối với lĩnh vực năm minh, khéo tu phương tiện v.v...” Luận sư Cảnh nói: “Duyên” năm minh xứ, là trí như lượng, biết khi Bồ-tát tu ngũ minh, chủ yếu là dùng trí vô phân biệt “hai không” dứt trí, mới có thể quán suốt Pháp sự của năm minh kia. Thế nên, tu năm minh cũng là trí chân như của công hạnh xuất thế.”

Pháp sư Thái nói: “Bồ-tát ý mong cầu trí Nhất thiết, vì dứt trừ chướng sở tri, nên thường học năm minh, để hàng phục chướng sở tri. Lúc học năm minh, phần nhiều trụ nhất thiết biến mãn chân như, nên dứt trừ hạt giống chướng sở tri, với ý không cầu dứt chướng “hoặc”, nên không trụ nhiều quán bốn đế v.v.... Nhị thừa không cầu dứt chướng sở tri, nên không học năm Minh và không trụ khắp trí chân như.”

Luận sư Bị nói: “Đây là nói chân như khắp các Pháp sự, nên thấu suốt nghĩa chân như, tức hiểu khắp pháp năm Minh”.

“Những ai gọi là Chánh trí của thế gian, xuất thế gian? Đó là Thanh văn, Độc Giác v.v...”

Trong đây, vì theo đa số ảnh hiện, nên không nói là Bồ-tát. Kế là dưới đây, thứ ba, trong phần nói về môn “có, không”. Luận sư Cảnh, bổ khuyết rằng: “Hỏi: “Vì như tự tánh khác nhau, giả lập như thế, sẽ nói là có ư?”

Đáp: “Đúng thế, nói là không. Ý hỏi, như khi giả lập tự tánh sai khác, gọi là như.

Danh trở xuống tức có tự tánh khác nhau, thể tánh nhất định khác ư?”

Giải thích: “Tìm kiếm danh, chấp, nhất định, là biến kế sở chấp kia không có thể tánh.”

Hỏi: “Vì chân như phân biệt cảnh đã hiện hành, sẽ nói là “có” ư?”

Đáp: “Sẽ nói là “có”, là nhân duyên có”

“Như thế, Bồ-tát cho đến “khéo ghi nhận là chẳng phải có, chẳng phải không có”, nghĩa là “có”, y cứ nhân duyên “có”, “không”, y cứ vào định tánh “không”, vừa có, vừa không, gồm hai pháp trước thành trường hợp thứ ba. Chẳng phải có tánh quyết định; chẳng phải không có nhân

duyên giả có, là trường hợp thứ tư.

“Bồ-tát kia do khéo ghi nhận riêng như thế “khéo nói pháp giới”, nghĩa là lìa tánh quyết định, thêm lìa không có nhân duyên tổn diệt.

Nói “Nếu như lời nói an lập chỗ đủ như thế để nói là nghĩa sẽ nói là “có”, nghĩa là các pháp cộng tướng là lĩnh vực (xứ) dựa vững của ngôn thuyết, nên nói là “có”.

“Nếu như tự tánh sai khác, giả lập nghĩa không thành tựu cho đến “sẽ nói là “có”, nghĩa là như gọi là chấp có thể quyết định sai khác của tự tánh, điều này không thành tựu. Nhưng có lìa ngôn thuyết, tự tánh của các pháp là “có”. Chánh trí chân như phải nói là “có”, cũng là lìa danh ngôn “có”.”

Luận sư Thái nêu rõ, làm sáng tỏ rằng: “Vì tướng là tánh của Y tha, nên phải nói là có. Chấp “có” tự tánh sai khác là giả lập biến kế sở chấp. Vì không thuộc về năm pháp, nên phải nói là “không”. Tướng là cảnh giới đã hiện hành của phân biệt thứ ba, vì thuộc về duyên, sở duyên nên phải nói là “có”. Biến kế sở chấp vì chẳng phải thuộc về duyên sở duyên, nên phải nói là “không”.

Sơ địa trở lên, các Bồ-tát đều khởi trí Hậu đắc. Đối với tướng phần mà trí đã biểu hiện, được khéo léo, nên nói rằng “Vì không có chấp, nên bốn trường hợp giả nói trong đây đều “là không”, nên không có lỗi.

Bốn đế xa lìa, quyết định, tăng ích, tổn giảm v.v... hai biên vận hành ở trung đạo, khéo nói pháp giới tục đế của y tha, tánh của Y tha khởi giả có mọi tướng. Các Bồ-tát v.v... khi giả nói mọi tướng, đều là tướng Y tha khởi, là chỗ đặt chân của ngôn ngữ. Với nghĩa ngôn thuyết như thế, phải nói là “có”.

Nếu như tự tánh sai khác của biến kế sở chấp là giả lập, thì nghĩa không thành tựu tướng của Y tha khởi do lìa ngôn thuyết của Biến kế sở chấp, phải nói là “co”. So với giải thích về danh thứ hai, “phân biệt” thứ ba cũng thế.

Chân như, chánh trí là thuộc về Viên thành, Y tha, nên phải nói là có. Biến kế sở chấp, phải nói là “không”.

Luận sư Bị nói: “Bồ-tát như thế cho đến “khéo nói pháp giới”. Nghĩa là vì Bồ-tát đối với “có” “không”, được, khéo léo ghi nhận năm tướng là “có”, khéo ghi nhận tướng Biến kế là không. Khéo ghi nhận cũng Y tha “có”; cũng biến kế là “không”.

Trong trường hợp thứ tư vì khác với hai văn trước, nên phi nghĩa. Nếu y cứ vào Biến kế, thì vì chẳng phải cái “có” của Y tha, nên nói

“phi hữu”. Nếu y cứ ở Y tha, thì vì chẳng phải Biến kế “không”, nên nói là “phi vô”.”

Hỏi: “Nếu vậy thì tánh chung với tánh Biến kế ư?”

Giải thích: “Trong đây nói Y tha chẳng phải tánh biến kế, nên không nói biến kế.”

Thứ tư, trong phần nói về môn giả, thật, Bồ khuyết rằng: “Cái “có” thật trong hành phải nói là thật có, cái giả “có” trong hành, phải nói là giả có. Tướng phần sở duyên của sáu thức không gá vào tướng phần của bản chất A-lại-da kia mà khởi. Nếu gởi nhờ vào tướng phần thật có của A-lại-da mà khởi, thì ảnh tượng là “có” thật. Nếu gởi vào trần giả có dài, ngắn, nám, trơn v.v... của A-lại-da mà khởi, thì ảnh tượng là “giả có” nên nói thế. Các hành có tướng cũng có hai thứ.

Đây là nói tướng phần của bản chất hay có ảnh tượng, nên nói là tướng “có”. Tướng có tự nó “có” giả, thật, như các màu xanh, vàng v.v... là thật, còn tướng dài ngắn và bình chậu v.v... là giả, cho nên nói là “tướng có”.

Các hành cũng có hai thứ: cũng có thể nói cái thật có trong hành, phải nói là có thật, cái giả có trong hành, phải nói là giả có, đây là y cứ ở tướng phần để nói về giả, thật.

Nói “Các hành có tướng cũng có hai thứ: Vì chủ thể phân biệt có tướng ở trước, nên nói là tướng có. Tâm pháp có tướng tự có “giả” “thật”. Như buồng lung nghĩa là “xả” “bất hại” nương vào hai thiện căn mà giả lập, pháp khác là có thật. Trong tùy phiền não cũng giả có, thật như trước đã nói. “Danh” phải nói là giả có, vì nó chỉ giả lập trong tướng. Tướng có cả các pháp, chỉ giả lập ở “danh” trên thính trong tướng, rồi phân biệt chung về giả thật, nên nói cả hai thứ đều có. Như trước đây đã nói. Chánh trí có cả hai trí là thật có. Pháp tương ứng với Trí, nên là giả có.”

Pháp sư Thái nói: “Giả, thật có hai thứ:

1. Năm uẩn xanh, vàng v.v... là “thật có”; chúng sinh và tướng dài, ngắn v.v... là “giả có”.

2. Tướng của bản tánh là “thật có”; tướng của ảnh tượng là “giả có”. Nếu thật có thể của hành thể hiện trong kiến phần thì phải nói là thật có. Nếu giả có hạnh, giả biểu hiện trong kiến phần, tất nhiên phải nói là cái giả có.

“Duyên theo” các hành có tướng từ cảnh, cũng có hai thứ: “Danh” chỉ giả lập trong tướng phần, nên là giả có, vì tánh Y tha thật sự lia ngôn thuyết. Phân biệt hai thứ đều có, vì “duyên” hai tướng “giả, thật”.

Chân như phải nói là thật có, vì thuộc về Thắng nghĩa, Chánh trí phải nói đều có.

Trí là thật có trong pháp tâm, tâm sở xuất thế.

Nếu các tâm, tâm pháp, quyền thuộc của Trí, cũng được gọi là Trí, thì nói là giả, nên có hai.”

Luận sư Bị nói: “Trong đây nói chân như là thật có, vì thuộc về Thắng nghĩa. nếu vậy thì vì sao luận Đối Pháp nói rằng, tất cả đều là giả có ư? Việc này có hai giải thích:

1. “Tất cả có hai. Luận Đối Pháp kia đã y cứ vào phần ít, không y cứ vào tất cả của tất cả, nên không trái nhau.”

2. “Chân như có hai nghĩa. Nay y cứ ở nghĩa thật, còn luận kia thì nói về môn nghĩa giả, do đó nên không có trái nhau.”

Thứ năm, là hai để phân biệt. “Bổ Khuyết rằng: “Tướng la cái có của thế tục, do hai nhân duyên:

1. Tạp nhiễm khởi: vốn do tâm biến kế chấp huân tập thành tạp nhiễm, thành nối tiếp nhau. Nay vì khởi lên tướng đó, nên nói là tạp nhiễm khởi.

2. Lập bày đồ dựng: Lập bày là danh. Thế tướng như thế là chỗ đặt chân của danh ngôn kia, gọi là đồ dựng của lập bày. Do tướng của hai nhân này là cái có của thế tục: Danh” do ba duyên, nên nói là tục có: 1. Tạp nhiễm khởi.

2. Lập bày Đồ dựng.

3. “Chỗ nương” của ngôn thuyết.

Hai nhân đầu, như trước đã nói “Sở y” (đối tượng nương tựa) của ngôn thuyết: Do có “danh” nên khởi ra ngôn thuyết, hoặc do ngôn thuyết mà khởi lên Danh. Trong đây đã nói từ một nghĩa riêng.

Phân biệt thế tục này có bốn nhân duyên:

1. Tạp nhiễm khởi.

2. Lập bày Đồ dựng. (Giải thích như trước).

3. Ngôn thuyết Tùy miên: Lại-da là thế của phân biệt, có hạt giống ngôn thuyết.

4. Ngôn thuyết (lời nói) tùy giác: Sáu thức cũng là “phân biệt” tùy thuộc vào ngôn thuyết mà khởi lên cảnh của giác biết.

Chánh trí thứ hai, phải nói là đều có: Nếu Hậu trí duyên trái với chân như thì như thế, Thắng nghĩa “có”. Nếu “duyên” việc đời, thì gọi là thế tục “có”. Cũng có thể Hậu đắc của Bồ-tát có hai:

1. Thắng nghĩa đế là vô lậu.

2. Thế tục là hữu lậu.

Luận sư Chương nói: Tướng phải nói là thế tục “có”:

1. Tướng gìn giữ (trì) vì khởi tạp nhiễm.

2. Tướng với lập bày Danh, vì làm chỗ nương tựa nên gọi là đồ đựng. “Danh” phải nói là thế tục có: 1/ Vì hay khởi tạp nhiễm. 2/ Vì đồ đựng lập bày.

3. Vì “danh” làm y chỉ cho ngôn thuyết. “Phân biệt” phải nói là thế tục “có”: 1- là chủ thể khởi tạp nhiễm. 2- Vì lập bày đồ đựng. 3- Do ngôn thuyết nên tùy miên khởi phân biệt như trâu, dê v.v...

4. Ngôn thuyết Tùy giác, vì khởi phân biệt, như hiểu về danh ngôn, chúng sinh v.v... Chân như phải nói là Thắng nghĩa có, vì là tánh cảnh sở duyên của chánh thể trí thanh tịnh.

Chánh trí thứ nhất vì chỉ “duyên” Thắng nghĩa, nên phải nói là thắng nghĩa “có”. Chánh trí thứ hai, vì chân, tục đều “duyên”, nên phải nói “đều có” (câu hữu).

Luận sư Tăng Huyền nói: “Tướng là cái Tục có, do hai duyên nên bình đẳng: Nếu tướng sở duyên của tâm, tâm pháp của ba cõi vì từ nghiệp phiền não sinh khởi, vì ngôn ngữ tạp nhiễm khởi, thì đây là nói tướng “sở duyên” của tâm, tâm pháp của ba cõi là cái thế tục “có”. Nếu tướng “sở duyên” của trí Hậu đắc là tâm, vì ngôn thuyết lập bày riêng, vì nói lập bày tướng đồ đựng là cái thế tục “có”, do ba duyên nên gọi là tục “có”.

Vì sở duyên của ngôn thuyết thứ ba, là y cứ vào sự thật để luận, thì danh và ngôn thuyết lại nương tựa nhau. Nhưng nay trong đây vì muốn hiển bày thế tục có, vì là đối tượng nương tựa (sở y) của ngôn thuyết, nên phân biệt với lý chân như, là vì tánh của sở duyên thanh tịnh, vì chẳng phải sở y của ngôn thuyết và là vì Thắng nghĩa “có”, nên nói rằng: “là sở y của ngôn thuyết”.

Do bốn duyên, nên “phân biệt” là ngôn thuyết thứ ba trong tục “có”. Vì tùy miên nên ngôn thuyết thứ tư là tùy giác. Nghĩa là hạt giống của tâm, tâm pháp trong Thức A-lại-da không có ngôn thuyết, danh hiện hành và tư duy “Danh”, nên nói rằng: “Vì tùy miên của ngôn thuyết, nên tâm, tâm pháp hiện hành”, có thể khởi ngôn thuyết, “danh” hiện hành và tư duy “danh”, nên nói rằng “ngôn thuyết tùy giác”.

Thứ sáu, là môn “năng sinh” (chủ thể tham) “sở sinh” (đối tượng sinh”. Bồ khuyết rằng: “Tướng được cái gì làm sở sinh? Và cái mà phân biệt trước đã sinh? Tướng của ảnh tượng sáu thức từ tướng bản chất của A-lại-da kia sinh ra. Tướng phần của A-lại-da sinh ra từ hạt giống phiền não nghiệp của phân biệt trước. Cũng có thể tướng đã sinh tức là tướng

của A-lại-da. Tướng sau được khởi từ tướng trước và đã sinh từ bốn đại đồng thời, gọi là tướng đã sinh.

Và phân biệt ở trước sinh ra như giải thích ở trước. Phân biệt từ phân biệt sinh và tướng đã sinh, nghĩa là tâm phân biệt sau từ tâm phân biệt trước, “duyên” sinh theo thứ lớp. Cũng có thể hạt giống của danh ngôn phát sinh từ phân biệt ở trước và từ tướng của cảnh giới sinh.”

Luận sư Chương nói: “Tướng mạo của tướng phần sinh ra từ nhân duyên của hạt giống tướng. Khi tướng phần huân tập, vì không lìa kiến phần, nên lúc khởi nó sẽ không lìa duyên tăng thượng của kiến phần sinh ra, gọi là giả. Vì nó không có tự thể. Không riêng gì từ hạt giống sinh, chỉ do lòng dục của con người mà khởi. Về nghĩa đồng với Tỳ-Bà-Sa ở chỗ dục vì bản nguyện v.v...”

“Phân biệt lại từ nhân duyên của hạt giống kiến phần phân biệt sinh, bởi lẽ kiến phần không lìa tướng phần, nên cũng sinh ra từ duyên tăng thượng của tướng phần và duyên sở duyên (đối tượng duyên, chủ thể duyên).

Vì chân như là thường, nên nói là vô sinh Chánh trí do hạt giống của Văn, Tuệ lắng nghe chánh pháp và tác ý như lý, huân tập Văn, hạt giống v.v... tư, tu sinh ra.”

Luận sư Bị nói: “Theo văn luận này, vì chánh trí mới sinh, nên không có nhân duyên sinh”. Nay giải thích sơ lược, không nói về hạt giống, là làm chứng.”

Thứ bảy, là nói về môn khác, không khác. Bổ khuyết rằng: “Năm pháp ở trong đó, đem pháp trước đối với pháp sau, làm nên một hạnh đối biện về “một” “khác” đối với tướng đầu tiên, đem “tướng” đối với bốn pháp sau. Kế là đem “danh” đối với ba pháp sau, tiếp theo đem “phân biệt” đối với hai pháp sau. Chân như, chánh trí tức không có cái đối lập. “Tướng” khác với “Danh” thì có lỗi gì? “Danh” lẽ ra thật có, nghĩa là danh được giả lập trên thình ở trong tướng. Nếu khác với tướng, có “danh” lẽ ra có thật, không khác thì có lỗi gì? Nếu khi chấp “tướng” lẽ ra cũng chấp “danh”, như mắt nhìn thấy sắc, lẽ ra cũng thấy danh. Pháp so sánh với danh. “Tướng” khác với phân biệt có lỗi gì? “Phân biệt” lẽ ra chẳng phải tướng làm tánh, nghĩa là về mật lý, “phân biệt” và tất cả duyên của pháp tha tâm cũng gồm cả “tướng” này. Nếu “tướng” khác với “phân biệt” thì lẽ ra chẳng phải là tướng sở duyên. Không khác thì đâu có lỗi gì? Lìa “phân biệt” mà có các tướng, lẽ ra dùng “phân biệt” làm tánh. Nghĩa là y cứ ở bên có thể, thì năm pháp đều là tướng. Nếu “tướng” quyết định không khác với “phân biệt” thì

chánh trí, chân như đều là “đanh”, lấy “phân biệt” kia làm thể! Nếu “tướng” khác hay không khác với chân như, đều cùng không thể nói”. Trong đó đầu tiên đem “tướng” đối với chân như, sau so với “đanh” với “phân biệt”, đối với chân như cũng thế.

Trong phần trước có ba: Pháp dụ, dẫn thuyết trong pháp có ba lỗi khác:

1. Thắng nghĩa của tướng lẽ ra chẳng phải chân như.
2. Lẽ ra xả “tướng”, cầu riêng chân như.
3. Giác biết đúng lúc. Lẽ ra giác biết tướng.

“Không khác” cũng có ba lỗi:

1. “Tướng” cũng đồng với chân như, là lỗi không có khác nhau.
2. Phạm phu được tương ứng chứng chân như.
3. Chân như đồng với “tướng”, lỗi không thanh tịnh.

Trong dụ có bốn:

1) Do tên các hành có vô thường, khổ v.v... chẳng thể nói “khác”, “không khác” để làm thí dụ.

2) Vì thân, tâm có thô, nặng, khinh an, nên lấy “khác”, “không khác” làm thí dụ.

3) Y cứ vào môn Tùy chuyển lý. Pháp ba tánh có hạt giống của các pháp, với pháp không nhất định là “một”, “khác”. Cũng có thể dùng pháp ba tánh của hiện hạnh so với hạt giống đã được huân tập. Hạt giống sinh hiện hạnh, hạt giống đối với Lại-da hoặc “khác” hoặc “không khác”, đều không thể nói.

4) So sánh hư không với “sắc” hoặc “khác” “không khác”, đều không thể nói. “Khác” có lỗi gì? Và sắc “khác” với “không” là sắc xứ riêng chẳng có “không”, lỗi hư không chẳng khắp sắc. Lại, sắc xứ không có hư không, trừ sắc mới bắt đầu có hư không, thì hư không lẽ ra vô thường? Không khác thì có lỗi gì? Lìa ngoài sắc lẽ ra chẳng có định. Dù biết rằng, Đại thừa không có lập thể của hư không, nhưng vẫn mượn tạm hư không thật có mà tiểu thừa lập ra để làm thí dụ.

“Trong đây, về mặt đạo lý, cho đến “phải biết rằng cũng như thế”, là hợp dụ.

Dưới đây sẽ dẫn thuyết của kinh:

“Trong Thanh văn thừa cho đến “Thủ chẳng phải “tức” uẩn, cũng không “lìa” uẩn, dục tham là thủ. Nếu nói Dục, tham chẳng khác với uẩn là tức chỉ có uẩn nhiễm, lẽ ra không có uẩn thiện, vô ký, nên nói là lỗi chê bai pháp vô ký, thiện trong uẩn, không thanh tịnh. “Khác” có lỗi gì? Lỗi không thanh tịnh, tánh thường, tăng ích trong các thủ.

Nếu thủ khác với uẩn thì uẩn là vô thường. Nếu thủ chẳng phải uẩn, tức thể nó lẽ ra là thường, tăng ích ở ngoài uẩn, là lỗi bất tịnh, há có pháp thường, không thanh tịnh ư?

“Tướng” khác và không khác với chánh trí, như với “phân biệt”, đều không thể nói: Văn này tức nói bốn pháp như chánh trí v.v... đều gọi là tướng. Cho nên, được nói tướng với chánh trí không thể nói “cũng khác”, “không khác” v.v... “Danh” và “phân biệt”, phải nói là có khác, nghĩa là hai phân biệt tướng kiến. Danh với Chánh trí cũng khác: 1/ Lộ khác với vô lộ. 2/ Tướng khác với kiến phần, vì hậu trí kia được duyên chánh trí nọ, gọi là tướng, kiến có khác. Phân biệt với Chánh trí, phải nói là có khác: Thế gian khác với Xuất Thế gian.

Luận sư Bị nói: “Nói về tướng có hai: 1/ Phân biệt; 2/ Tướng chung. Nếu y cứ vào tướng ngoài, thì chỉ lấy hai tướng ảnh tượng, căn bản và tướng ảnh tượng trong bốn sự khác.

Nếu luận về tướng chung, thì tâm “năng phân biệt” cũng gọi là tướng, vì trí Hậu đắc có thể làm rõ các tướng, nên cũng gọi là tướng, tức dùng văn này làm chứng.

“Nếu không như vậy, vì tướng đối nhau, thành ra không thành hỏi, đáp? thế, nên nói về lỗi rằng: “phân biệt” lẽ ra chẳng phải chấp tướng làm tánh? Y cứ theo đây mà biện luận về chân như cũng gọi là tướng không có lỗi. Nay, văn luận rõ ràng dù giả cói thích về nghĩa này cũng chưa tướng tận, nên tung ra đến tướng, văn nhờ vào môn chế số, để nói lại văn luận, nhằm giải thích năm sự, đều có môn khác. Môn khác là sao? Tướng có mười môn, được gọi là sáu môn: “phân biệt” có sáu môn; chánh trí có bốn môn; chân như có ba môn, đây gọi là môn khác.

Ở đây, mười môn sự tướng là:

1. Môn phân biệt không có thủ, hữu, chỉ vì dứt trừ bốn thứ như Danh v.v... trong Y tha, an lập sự tướng, như đã giải thích trong môn phân biệt Hữu.

2. Môn luận về tướng “có” “không”, chẳng phải chỉ Y tha khởi, mà cũng chấp tánh biến kế, gọi là sự tướng, như đã nói về thuyết khéo léo của Bồ-tát.

3. Môn chủ thể Duyên thuộc cảnh. Các Tâm, Tâm pháp hoặc “phân biệt” hoặc Chánh trí, vì đều có công năng làm rạng rỡ các tướng, nên cũng gọi là tướng. Chánh trí dù có nhưng không bằng làm sáng tỏ tướng, nhưng vì y cứ vào trí thế gian, nên lược qua mà không nói, tức là nghĩa của môn khác, không khác.

4. Môn phân biệt với tịnh, nói về nhiễm. Về mặt lý thật ra bốn

sự, như danh v.v... đều có nghĩa tướng. Vì tướng của thể, nên chỉ hai sự sau chẳng phải sự tạp nhiễm. Sự tạp nhiễm: Tức danh, tướng, phân biệt. Vì cho nên ba sự ban đầu đều gọi là tướng, như đã nói trong phần giải thích Bốn y.

5. Y cứ vào Thể để nói về môn tướng. Năm sự như tướng v.v... đều có thể tướng, nên đều gọi là sự tướng. Y cứ vào tướng của Thể chung, tùy theo nghĩa riêng của thể tướng đó để an lập danh v.v... thành ra không nên vấn nạn rằng: “Sự thành một thứ, như môn tướng dưới đây và lần “Lại nữa” sau. Vì đối nhau nên gọi là thuyết trong bốn trường hợp.

6. Môn dùng tánh quy tướng. Chân như dù không có tướng là tánh của tướng, nên theo tướng gọi là tướng, như thuyết trong bốn trường hợp dưới đây.

7. Môn luận riêng về ảnh gốc. Bốn sự như Danh v.v... được y cứ ở gốc để an lập đương tâm mà biểu hiện, đều gọi là sự tướng. Vì dùng tướng phân, nên đã thừa nhận chung nghĩa này, không dùng làm chứng.

8. Môn thuộc về ảnh về gốc. Ảnh tượng như Danh v.v... lại thuộc về danh v.v... như thuyết trong bốn trường hợp của chân như nói là Trí Hậu đắc cũng quán chân như. Nếu theo môn này, thì chỉ tướng của bản tánh và ảnh tượng của tướng đó gọi là sự tướng.

9. Môn đối với chân để nói về tướng, Bốn việc trước trong năm việc gọi là tướng là “ngôn y”, như thuyết trong phân biệt trước đã nói.

10. Môn đối với biện biệt riêng tướng. Tướng tức là “tướng”, bốn thứ còn lại không thuộc về, vì rơi vào tướng là gọi là mười môn tướng.

Sáu môn sự Danh là:

1. Môn phân biệt không có hai Thủ, Hữu; môn luận về “tướng” có hay không Hai môn này, như thuyết trong phần nói “có” đã nói.

3. Môn luận riêng ảnh gốc. Chỉ dùng danh, cú, văn thân của pháp gốc, gọi là “sự danh”, vì ảnh tượng của danh được gọi là sự “tướng”.

Lại giải thích: “Sự Danh chỉ có pháp gốc, lại không có ảnh tượng, vì giả không có ảnh.

4. Môn gom ảnh về gốc. Hoặc bản gốc hoặc ảnh, đều gọi là “sự sinh”. Ảnh tượng của sự chân, cũng gọi là chân như, cũng đâu có ngăn ngại! Ảnh tượng của “sự sinh”, cũng gọi là “sự danh”. “Phân biệt” v.v... cũng thế, không do nói riêng.

5. Môn nhiếp thu giả theo thật, tức dùng âm thanh làm thể cho sự danh. Về nghĩa rất dễ hiểu.

6. Môn luận chung hai danh, tức dùng nghĩa biểu để làm sáng tỏ hai thứ cảnh, gọi là danh. Giải thích trong hệ thuộc ba cõi là gọi là sáu môn “sự danh”.

Những gì gọi là sáu môn phân biệt? Sáu môn đó là:

1. Môn phân biệt không có Thủ, Hữu.
2. Môn luận chung về “có” “không”
3. Môn luận riêng về ảnh gốc.
4. Môn nhiếp ảnh về gốc. Bốn môn này y theo Danh, rất dễ hiểu.

5. Môn lưu chuyển, hoàn diệt, chỉ lấy dục của pháp lành xong, lại tất cả tâm pháp, gọi là “sự phân biệt”. Dục của pháp thiện đã bỏ, tất cả tâm thiện. Vì sinh ra từ chứng pháp đẳng lưu, nên gọi là sự chánh trí. Như thuyết trong trói buộc, có thể dẫn chứng sáu môn hữu lậu, vô lậu của Luận Đối Pháp, tất cả pháp tâm, tâm sở hữu lậu, đều gọi là phân biệt, như trong môn phân biệt ở trước đã nói tâm, tâm pháp có trong hành (hoạt động) của ba cõi. Nhưng vì luận chủ Đối Pháp đã y cứ vào phần vượt hơn để nói về tâm, nên nhóm văn Tuệ, Tư tức không gọi là môn ngoại, đây gọi là sáu môn phân biệt.

Bốn môn chánh trí là:

1. Môn luận riêng về ảnh gốc, chỉ lấy bản chất, gọi là Chánh trí, như thuyết trong môn niệm trụ đã nói.
2. Môn nhiếp ảnh về gốc, ty theo chân rất dễ hiểu.
3. Môn phân biệt với lậu, nhằm nói về chánh trí, chỉ lấy pháp tâm, tâm sở vô lậu, gọi là chánh trí, như thuyết trong “phân biệt” trước đã nói.
4. Môn đối với lưu chuyển, lấy hoàn diệt, chẳng phải chỉ có trí vô lậu, cũng lấy tâm pháp hữu lậu của giải thoát phần v.v... cũng nói trong môn trói buộc, không trói buộc của chánh trí, gọi là bốn môn của chánh trí.

Ba môn sự của chân như là:

- 1- Môn luận riêng về ảnh gốc.
- 2- Môn thuộc về ảnh thuộc về gốc. Hai môn này, y theo ở trên rất dễ hiểu.

3- Môn bỏ xa lấy gần. Dù tướng của ảnh tượng chân. Gọi là sự chân, mà ảnh có hai:

- 1- Tướng phi an lập.
- 2- Tướng an lập đế.

Đầu tiên, vì rất giống với bản chân, nên thuộc về “Sự chân”. Sau,

vì không giống với chân gốc, nên gọi là “sự tướng”. Dẫn bốn quan điểm của chân làm chứng. Đó gọi là ba môn của “sự chân”. Rõ ràng, thông thường, danh của năm sự với thể, đã có Trên đây, nhờ tạo nên môn khác, chưa từng có, có thể nói là thừa trước phản ảnh thừa sau, mẫu nhiệm từ ngàn xưa. Luận về sự thô sơ về cương yếu, lược thuật như thế. Về tế, không thể đầy đủ, nên không cần luận nhiều.

Thứ tám, là nói về tướng trạng của năm sự. Bồ khuyết rằng: Hỏi “Tướng có tướng gì?”

Đáp: “Tướng sở hành” “phân biệt”, nghĩa là với gốc, có thể “năng phân biệt” làm rõ “sở phân biệt”.

Tướng danh có tướng gì?”

Đáp: “Tướng sở y” của ngôn thuyết, nghĩa là nhân danh khởi thuyết”.

“Phân biệt” có tướng gì?

Đáp: “chân Như là tướng “sở hành”, nghĩa là nêu trí nhằm làm sáng tỏ tướng của cảnh”.

“Chánh Trí có tướng gì?”

Đáp: “Chân như là tướng “sở hành”, nghĩa là nêu cảnh, nhằm làm rõ tướng của trí.

Luận sư Chương nói: “Ngôn nói là thật “danh” là giả lập trên tiếng. Vì giả dựa vào tiếng thật, nên gọi là dùng ngôn thuyết làm sở y, là danh tướng văn khác rất dễ hiểu.”

Thứ chín, nói về môn hành tướng v.v... trong đó. 1/ Nói về hành tướng. 2/ Nói về năm pháp với nhiều khác nhau .

Trong phần trước, Bồ khuyết rằng: Hỏi: “Tướng có hành tướng gì? Cho đến “do vô lượng các thứ hành tướng phân biệt, vì tâm, chủ thể phân biệt nhiều vô lượng, nên tướng sở duyên cũng nhiều vô lượng, nghĩa là sắc, tâm, tâm sở hữu, tâm bất tương ứng, vô vi”.

1) Giải thích: “Năm trí này gồm nhiếp hết các pháp.

2) Năm trí này là tùy tướng phần của tâm, không thuộc về bản chất. Nói hành tích, tức là bốn hạnh tích như khổ, trì v.v... Tướng của pháp tích: Như luận Đối Pháp nói: Vô tham, vô sân, niệm và định, đó là pháp tích sở y của ba học. Vô tham, vô sân là đối tượng nương tựa của giới. Niệm và định là chủ thể nương tựa. Định và tuệ là chủ thể nương tựa”.

Thế nào là tướng có tướng? Nghĩa là hiểu rõ tướng sở hữu của sự, danh, phân biệt, nghĩa là nhận thức về sự, danh, tìm kiếm, danh, phân biệt, hiểu rõ về sự, phân biệt.

Gọi là tướng của hữu tướng, thế nào là tướng của vô tướng? Nghĩa là không hiểu rõ về tướng sở hữu của sự, danh phân biệt.

Không hiểu rõ, danh, dù là phân biệt nhưng vì đối với cảnh không sáng suốt, nên gọi là tướng của vô tướng. Tướng hẹp, nhỏ, nghĩa là tướng sở hữu của phân biệt, sự cõi Dục. Tướng rộng lớn, nghĩa là sự v.v... của cõi Sắc: Vì y cứ vào nghĩa chánh báo của cõi Dục, Sắc, nên có hẹp, nhỏ, rộng lớn khác nhau. Nếu y cứ ở khí thế giới ngoài thì lớn, ít nhiếp nhau.

Thế nào là tướng của bản tánh? Đó là do phân biệt ở trước sinh ra nghĩa là căn, trần, tướng, phần của bản thức, do nghiệp phiền não của biến kế sở chấp ở trước, huân tập hạt giống nảy sinh; và, tướng được sinh, nghĩa là căn trần được nuôi lớn, do tướng của bốn đại sinh ra, và trước, sau đều là danh, tướng sinh ra

Được thành lập chung, nghĩa là mọi người đồng thừa nhận, gọi là cộng tướng đã được hình thành.

“Thế nào là tướng của ảnh tượng?” Cho đến chẳng phải trụ tướng của bản tánh? Nghĩa là sáu thức tùy theo tướng ảnh tượng của tâm.

“Danh có hành tướng gì?”

Đáp: “Do thế lực của tướng cũng có các thứ vô lượng hành tướng, nghĩa là từ đối tượng giải thích (sở duyên) cũng có vô lượng.

Danh giả thuyết, nghĩa là nói tên bình, chậu v.v... danh của sự thật: Nói là danh như sắc, v.v...

Danh tương ứng với chủng loại: Danh của Sát-đế lợi v.v... đều có khác, nghĩa là y cứ trong sát-đế lợi, tự phô trương danh hiệu vua.

Danh tùy theo đức: như Kinh sư v.v...

Danh Giả lập: như người thấp, tên dài. Danh của sở tri: Danh từ Tô-Mê-Lô, biển cả v.v...

Chẳng phải tên của sở tri: Tùy phân biệt danh, đương xứ tự hiểu.

Hiện bày rõ danh: Một danh, gọi là một nghĩa. Không hiện rõ danh: một danh, gọi là nhiều nghĩa.

Danh từ chung: Uẩn, giới, xứ v.v... Danh từ riêng như Danh sắc, thọ v.v... mắt, tai v.v...

Hành tướng phân biệt có bảy, như Bản Địa quyển hai nói. Nếu theo Đối Pháp quyển hai nói rằng: “Có bao nhiêu khác nhau trong sáu thức?”

Đáp: “Chỉ có một Ý thức, do ba phân biệt nên có phân biệt. Kế là nêu ba phân biệt. Sau, lại nói có bảy thứ phân biệt. Trình bày danh, giải thích rộng như Luận Đối Pháp nói.

Luận sư Chương nói: “Tướng là tướng chung. Hành tướng là riêng, nên ngoài tướng trạng, luận riêng về hành tướng. Như tướng của bốn đế là chung; mười sáu đế tướng là riêng, nên lý của mười sáu đế là riêng, nên lý của mười sáu tướng được gọi là hành tướng, vì dựa vào các thứ bất đồng của hành tướng trong pháp chung, nên là tướng riêng. Hành tướng vì “duyên” tướng sở duyên của hành, nên gọi là hành tướng.

Tướng sắc có mười một; tướng tâm có tám, tướng của tâm sở hữu có năm mươi một; tâm bất tướng hành có hai mươi bốn; tướng vô vi có sáu mươi một sắc. Tướng ảnh tượng của bản tánh đều thuộc về tướng. Tướng bản tánh của tám tâm vương; năm mươi một tâm số là thuộc về phân biệt, chánh trí. Tướng của ảnh tượng thuộc về tướng. Trong hai mươi bốn món Bất tướng ứng hành, trừ danh, vị, cú, tướng ảnh tượng của bản tánh của hai mươi một bất tướng ứng hành còn lại thuộc về tướng. Tướng bản tánh của ba thứ danh, vị, cú, thuộc về danh, tướng của ảnh tượng thuộc tướng. Trong sáu vô vi, trừ chân như, tướng ảnh tượng của bản tánh năm vô vi còn lại, thuộc về tướng. Tướng bản tánh của chân như vô vi, thuộc về chân như. Tướng của ảnh tượng thuộc về tướng.

Nói “Lại có năm tướng khác: Có hai giải thích:

1. Giải thích: Tướng ban đầu trong năm pháp là có cả năm pháp, vì đều là tướng. Tướng có năm thứ. Y cứ trong tướng đầu, chia ra bốn tướng khác. Trong vô úy đầu thuộc về lực đầu gồm có mười lực, bốn vô úy. Tuy nhiên, đầu tiên, y cứ trong mười lực, chia ra chín lực; đầu tiên, trong vô úy, chia ra ba vô úy.”

2. Giải thích: “Tướng bản tánh của năm sự, đều thuộc về tự sự. Nay nói tướng ảnh tượng của năm sự đều thuộc về tướng ban đầu, nên tướng ảnh tượng của nhà tướng, gọi là tướng, cho đến ảnh tượng của Chánh trí, gọi là tướng Chánh trí.

Lại có hai tướng:

1. Tướng của bản tánh.

2. Tướng của ảnh tượng bình đẳng:

Nói “Do phân biệt ở trước sinh”, nghĩa là kiến phần ở trước huân tập và tướng được sinh: Tướng phần ở trước đã huân tập. Do hai huân tập này không lia nhau, nên nói tướng phần sinh chung, gọi là “tướng thành chung”. Nói theo lý thật, hạt giống của tướng phần tự sinh tướng phần, hạt giống của kiến phần tự sinh kiến phần. Tánh này từ tâm bản thức khởi, thường nối tiếp nhau, gọi là bản tánh nương tựa tướng của bản tánh. Thức thứ sáu, bảy khởi biến kế sở chấp. Và vì thức sáu, bảy vượt hơn kiến giải đã được thể hiện tùy tâm, nên khởi, diệt bất thường,

không nối tiếp nhau, chẳng phải là ảnh tượng của tướng bản tánh giống với bản tánh, gọi là tướng của ảnh tượng. Đã nói “và tướng đã sinh”, nên biết được tánh ảnh tượng căn, trần v.v... của tướng phần cũng huân tập thành hạt giống.” Văn này minh chứng.”

Luận sư Bị nói: “Tướng của ảnh tượng là sao? Nghĩa là biến kế sanh khởi v.v... : Tức dựa vào văn này, nước phương Tây có haigiải thích:

1. Giải thích: “Đã nói do biến kế sanh khởi, nên biết tất cả khởi ảnh tượng đều là pháp chấp. Nếu theo cách giải thích này thì pháp chấp sẽ có cả bảy thức và ba tánh, chưa luận về vô lậu của Nhị thừa, kể cả bản thức.”

2. Giải thích: “Lời văn của Luận chủ có hai so sánh không đồng: Nếu nói Biến kế, tức là tên khác của phân biệt, nên văn ở dưới nói: “Hoặc phân biệt hoặc tư duy, hoặc biến kế, cho đến “phân biệt” như thế v.v... khác nhau”.

Nếu nói Biến kế sở chấp, tức là pháp chấp, vì pháp chấp có thể của tướng biến kế, nên nói là Biến kế, không nói pháp chấp.”

Nếu theo giải thích này, là thích hợp với nghĩa thật của Luận Phật Địa.

Luận sư Tăng Huyền nói lại lời ngài Tam Tạng rằng: “Từ hạt giống của danh ngôn trong Thức A -lại-da, sinh ra tướng của bản chất.”

Nói “Do phân biệt ở trước sinh ra”, được biểu hiện rõ tướng của ảnh tượng trên nhãn thức v.v... Vì từ bản tánh hiện ra, nên nói và tướng sinh ra.”

Hai thứ tướng này thể hiện rõ tướng ảnh tượng trên ý thức tìm cầu. Vì làm gốc nên nói rằng, tánh tướng gốc. Ở đây gọi là tánh tướng gốc nghĩa là vì mọi người đều thừa nhân chung, nên nói rằng: “Tướng do chung thành”.

Tướng của ảnh tượng, nghĩa là biến kế chấp khởi thẳng giải hiện ra, chứ chẳng trụ nơi tánh tướng gốc. Đây là y cứ vào tướng của ảnh tượng đã hiện rõ trên ý thức tìm kiếm, mong cầu. Dưới đây sẽ nói về các danh từ khác nhau của năm pháp:

“Nếu tướng” nghĩa là bản chất. Hoặc bản chất, hoặc ảnh tượng lúc hiện ở trước, đều biểu hiện rõ. “Nếu tướng”, nghĩa là vì danh từ tướng khởi.

“Nếu vô điên đảo, hoặc bất điên đảo v.v... nghĩa là vì không có tà phân biệt mà chấp tướng, nên gọi là không có điên đảo. Vì chỉ có chánh trí đã chứng, nên gọi là không điên đảo. Hoặc có thể do chân như, nên

gọi là không có điền đảo. Do Thật tánh, nên gọi là không điền đảo. Do tánh Đế lý, nên gọi là không có hí luận.”

Thứ mười, nói về các như môn sắc v.v... trong đó, đầu tiên, là chia ra có năm mươi một môn, như chương của Pháp sư Thái. Hoặc có phân biệt làm bốn mươi lăm môn, như Luận sư Bị sao. Nay, dùng nghĩa so với tướng từ, chia ra thành hai mươi tám môn để phân biệt.

Nêu chung môn sắc, đồng lấy môn khác:

1. Năm vị phân biệt, tướng có cả năm thứ, đây là y cứ ở có tự thể, gọi là tướng, tức năm pháp đều là tướng. Ở trong tướng, có cả sắc, tâm cho đến vô vi.

2. Môn thuộc về bảy thiện xảo. Bồ khuyết rằng: “Thuộc về ba uẩn, gọi là Hành uẩn. Phân biệt, chánh trí đều có cả bốn uẩn.

Thuộc nhau, không thuộc nhau, nghĩa là có cả năm pháp trong tướng. Bốn pháp trước là uẩn chân như chẳng phải uẩn.

Nói “Thuộc ba duyên khởi: Ba pháp danh phân biệt, và chánh trí đều nhờ vào duyên mà khởi, cho nên là “duyên khởi”. Như “duyên khởi” gồm có xứ, phi xứ và thuộc căn cũng thế.

Thuộc về xứ, phi xứ và “duyên khởi” v.v... căn phải phân biệt. Tướng có cả các pháp, nghĩa là hữu lậu không thuộc trong hai mươi hai căn, gọi là thuộc về “phi căn”.

“Phân biệt” chánh trí có cả bốn uẩn, cũng thuộc có cả căn, “phi căn”. Chân như chẳng phải căn.

3. Thuộc về An lập đế. Nghĩa là Danh, Phân biệt, Chánh trí. Tướng vừa thuộc vừa không thuộc, nghĩa là có cả năm pháp trong tướng.

4. An lập. Chân như không thuộc Đế an lập, nên nói là không thuộc.

Pháp sư Chương nói: “Hữu vi từ nhân sinh, đều gọi là “duyên khởi”. Vì chẳng phải chỉ mười hai duyên khởi, nên ba pháp: Danh, Phân biệt, Chánh Trí là thuộc về “duyên khởi”.

Lại, giải thích: “Chánh trí trong tám duyên khởi là duyên khởi thanh tịnh.

3/- Thuộc về “duyên khởi”, môn tám duyên khởi, như thuyết của Du-già, Đối Pháp nói.

Nghĩa xứ, phi xứ trong nhân quả. Vì nhân duyên khởi, nên so sánh nhiếp thu duyên khởi (thuộc về duyên khởi), đồng nói nghĩa duyên khởi uẩn, giới, xứ, phi xứ, nên so sánh thuộc nhau. Tuy nhiên căn không đồng với nghĩa duyên khởi, tùy theo pháp thích hợp với căn đó, nói là một đoạn môn giáo theo nhau mà so sánh.

Đế có hai thứ v.v... Bốn đế an lập nhân quả, gọi là đế an lập, chân như chẳng phải an lập nhân quả, gọi là phi an lập đế dùng đoạn văn này để chứng minh.

Chân như vô vi thuộc về phi diệt đế. Trạch diệt vô vi; diệt thọ tướng vô vi và Bất động vô vi là thuộc về Diệt đế; Danh và Phân biệt trong năm pháp này thuộc về Khổ đế, tập đế; chánh trí tuệ thuộc về Đạo đế, nên nói ba pháp thuộc về an lập đế. Hư không trong tướng, phi trạch diệt vô vi, chẳng thuộc về bốn đế, tướng khác là thuộc bốn đế, nên thuộc, không thuộc chung An lập đế. Chân như chẳng phải nhân quả, nên thuộc về Phi an lập đế.

Luận sư Bị nói: “Y cứ vào thật xứ, Phi xứ, có cả Hữu vi, vô vi. Nay trong văn này, vì nói theo số nhiều, nên chỉ lấy hữu vi.

Môn ba, bốn là duyên theo môn tương nhiếp. Bồ Khuyết rằng: “Tướng thuộc tất cả duyên, nghĩa là tướng có hạt giống ở trong Lại-da, tức thuộc về nhân duyên; ba “duyên” còn lại, rất dễ biết.

Gọi là duyên Đẳng vô gián không nhiếp thuộc, nghĩa là Danh có hạt giống tức là nhân duyên, Duyên tăng thượng của cảnh giới, chỉ trừ Duyên đẳng vô gián, vì chẳng phải Tâm. Phân biệt, Chánh trí, bốn Duyên và chân như chỉ thuộc về duyên sở duyên, nghĩa là vì gián lược, nên không nói thuộc về Duyên tăng thượng.

Duyên Đẳng vô gián trong tướng Chương, nghĩa là phân biệt Chánh trí, ảnh tượng và Duyên đẳng vô gián gọi là chẳng phải tâm, tâm pháp, nên không thuộc về Duyên đẳng vô gián, thuộc về ba duyên khác.

Danh đối với pháp bốn tướng có chung đều có Duyên tăng thượng gần. “Phân biệt”, Chánh trí hoàn toàn là tánh tướng gốc, thuộc về bốn duyên, nên cho bốn duyên. Nếu nói chân như chỉ thuộc về duyên sở duyên của Chánh trí, chẳng phải tánh sáu căn, lại vì không có pháp chung, vì không có Duyên tăng thượng gần, cho nên không nói đến.”

Luận sư Bị nói: “Tâm pháp có hai thứ: 1- Ảnh tượng, tức là sự tướng. 2- Pháp gốc, Nếu hữu lậu, tức là sự phân biệt. Tuy nhiên văn luận này y cứ ở tướng chung, cho nên có Duyên đẳng vô gián, tức vì lấy năm sự, nên gọi là tướng chung. Vì sao chân như chẳng phải Duyên tăng thượng? Tự có hai cách giải thích:

1. Giải thích: “Như luận trên nói rằng: “Duyên tăng thượng, nghĩa là có thể làm Duyên tăng thượng cho Niết-bàn, với pháp tăng thượng, vì hay làm duyên, nên được tên gọi từ quả.”

Nay, chân như này đối với các pháp, đều chẳng phải tăng thượng,

nên chẳng phải duyên tăng thượng.”

2. Giải thích: “Duyên tăng thượng có hai nghĩa:

a- “Duyên” có sức. Như mắt đối với thức v.v...

b- Chỉ có “duyên”, vì không che lấp.

Nay, y cứ ở phần vượt hơn để luận, cho nên, không nói.

4/- Môn Bốn Y thuộc nhau: Bồ Khuyết rằng: “Ý chẳng phải lấy “sở y” làm bốn Y.

“Tướng” thuộc về ba Y, nghĩa là trong tướng có đủ Y, Pháp, Y Kinh liễu nghĩa, và Y nghĩa. Nếu y cứ trong “tướng” có trí, thì cũng có là “y trí”, tức gồm đủ bốn Y, ý trong đây lấy “sở Y”, nghĩa là y pháp v.v... Danh chỉ pháp y, vì sao Danh không thuộc về Y kinh liễu nghĩa”.

Giải thích: “Vì gồm lấy cả nghĩa sở liễu, mới là kinh liễu nghĩa. “Danh” là pháp giáo, chỉ là Y pháp. Như tướng phân biệt cũng thế, nghĩa là vì tâm phân biệt là Thể của ba Y trước, nên có đủ ba y. Vì là Tâm pháp của thế gian, nên không có trí y”. Nếu thế thì làm sao được pháp y?

Giải thích: “Pháp là pháp giáo là thuộc về tướng phần của Tâm. Vì “tướng” từ “kiên”, nên dùng “phân biệt” để làm pháp. Vì “sở hành” của trí chân như, nên là nghĩa y. Chánh trí chỉ là trí y. Dù rằng là kinh liễu nghĩa, kinh liễu nghĩa là đối tượng liễu, vì không có chủ thể liễu. Thể chánh trí chẳng phải Y kinh liễu nghĩa”.

Pháp sư Chương nói: “Tướng” thuộc về ba y, trừ trí y. Trí y chỉ là trí tướng của bản tánh. “Tướng” trong y pháp, không y nhân cũng là pháp. Nghĩa là tướng của ảnh tượng, nghe pháp, tụ tập, thể hiện rõ trên tâm thức của đồ chúng hiển hiện giáo pháp. Lại, “danh” chỉ thuộc về y pháp, nên biết giáo được giải thích của kinh liễu nghĩa, lấy liễu nghĩa, không lấy chủ thể giải thuyết giáo.

Lại, “Danh” chỉ y pháp, nghĩa là giáo, tướng của bản tánh với pháp trong tướng, đều dựa vào tướng riêng của ảnh tượng, như phân biệt tướng cũng thế. Thuộc về ba y trừ trí y, vì phân biệt đã thuộc về y pháp, nên biết không y trí. Y nhân chẳng phải chỉ giáo pháp. Chân như chỉ thuộc về y thức chánh trí, chỉ thuộc y trí.”

Nói “Y pháp không y nhân”, nghĩa là y cứ vào môn tướng tùy chuyển, hữu lậu thành nhân, pháp làm y pháp, không y nhân, nên chẳng thuộc về y pháp.”

Lại, nói “Đối tượng giải thích và chẳng thuộc về y nghĩa. Tướng, Danh, Phân biệt đều là chứng lượng sở chứng nên đều thuộc về y nghĩa. Chánh trí dù cũng là chứng lượng, đối tượng chứng, nhưng vì lập làm

chủ thể chứng, nên không lập làm sở chứng. Trong phân biệt Y nghĩa, vì có “Phi chứng lượng” năng chứng, nên lập y nghĩa của đối tượng chứng.”

Luận sư Bị, Khuy Cơ nói: “Tướng, trừ Y trí, vì tướng chánh trí chẳng phải chánh trí. Vì thể của giáo tức danh, nên gọi là thuộc về Y pháp. Pháp nhiệm “phân biệt” dựa vào ba y thuộc về tướng đồng, sở dĩ so sánh sẽ hiểu. Chân như vì là môn “sở duyên” nên thuộc về “y nghĩa”. Trí là nghĩa “năng duyên”, nên thuộc về y trí. Nhưng tức “y nghĩa” chỉ y cứ vào môn Cảnh sở duyên. Y trí chỉ y cứ bên cạnh nghĩa chủ thể duyên (Năng duyên).

Luận sư Phưởng người Tân-la nói ba giải thích:

1. Y pháp nghĩa là danh và đối tượng nương tựa gọi chung là y pháp. Như lời pháp, hai cảnh không ngăn ngại, nói chung là pháp. Vì pháp tức y, nên nghiệp trì được giải thích.

Y nghĩa, nghĩa là các pháp, như nghĩa cảnh không ngăn ngại gọi là nghĩa, đây là Nghiệp trì (gìn giữ).

Y liễu nghĩa kinh là nghĩa sở duyên (nghĩa được giải thích) của giáo liễu nghĩa. Đây là y chủ thích, cũng là đa tài giải thích.

Y trí trước hết, nghĩa là hai chánh trí và trí gia hạnh, đều gọi là trí, đây là nghiệp trì.

Nói “Tướng thuộc về ba y” nghĩa là trừ tướng của y trí, vì chẳng phải trí, dù cũng chẳng phải danh, nhưng vì là đối tượng nương tựa của danh, nên cũng là y pháp.

“Danh” chỉ có Y pháp: Chỉ có chủ thể giải thích, gọi là sự danh, nên nghĩa và kinh dựa vào lý, cũng chẳng phải không có. Tuy nhiên vì pháp rõ ràng, nên chỉ nói pháp. “Như “phân biệt” tướng cũng thế”, nghĩa là trừ ba số v.v... của y pháp, nên nói là “cũng thế”. Vì “sở hành” (đối tượng vận hành) của trí chân như, nên thuộc về ý nghĩa. Ở đây vì chẳng phải trí và vì chẳng phải chủ thể giải thuyết, nên ngôn giáo không sánh bằng.

Chỉ thuộc về ý nghĩa, chánh trí chỉ thuộc y trí: Nghĩa và y theo lý kinh, cũng chẳng phải không có, nhưng vì trí rõ ràng vượt hơn, nên chỉ nói trí.

1. “Y pháp nghĩa là chủ thể giải thích, đối tượng pháp giải thích, đều gọi là nghĩa pháp. Y, là nghĩa sở duyên, y kinh kiêu nghĩa, nghĩa là nghĩa được giải thích của giáo liễu nghĩa. Nhưng không đồng với y pháp. Nghĩa ấy có cả không liễu nghĩa, còn ở đây chỉ liễu nghĩa.”

Y trí, nghĩa là hai chánh trí. Tướng, Danh, Chân Như và Y chánh

trí không khác với trước. Phế lập, hội ý giải thích như lý, nên biết.”

Nói “Như tướng phân biệt cũng thế”, nghĩa là y trí nhiệm chẳng phải hai trí, nên nói rằng “cũng thế”.

2. “Y, Pháp nghĩa là Danh, Cú, Văn và Thịnh sở y làm thể. Đây là y cứ ở một phương, nếu dựa vào các phương có cả sắc, tâm v.v...”

Y nghĩa, nghĩa là nghĩa của cảnh đã chấp lấy làm thể. Y kinh liễu nghĩa: nghĩa mà kinh đã giải thuyết là thể. Y trí lấy Chánh trí là thể.

Ba y của tướng, nghĩa là trừ trí, rất dễ hiểu.

“Như tướng phân biệt cũng thế”, nghĩa là vì hữu lậu nên trừ trí. Nếu dựa theo phương khác để phân biệt thì có thể làm Phật sự, là vì y danh, cú, nên thuộc về y pháp”.

Lại giải thích: “phân biệt” là tư duy “danh” làm rõ pháp, nên gọi là y pháp. Chánh trí chỉ y trí, nghĩa là y cứ vào sự thật, hoặc có đại trí của Phật thực hành Phật sự và tư duy Danh, nên thuộc về y pháp, là vì đối tượng chấp lấy, vì giáo đã chứng, nên nghĩa và kinh nương tựa.

Nay, tướng đầu nói lên chỉ thuộc về y trí.

5/ Môn ba đối có sắc, không có sắc v.v... Luận sư Chương nói: “Danh” và chân như đều chẳng phải (câu phi) hai thứ, vì danh là giả có ở sắc, chứ chẳng phải vì sắc giả lập, nên không thể phán quyết thiên lệch sắc chẳng phải sắc. Không thể nói chân như là Sắc, phi Sắc. Nếu y cứ vào môn giả danh, thì chân như là phi sắc.

Môn có kiến, không có kiến, có đối, không có đối. So sánh đồng với thuyết có sắc, không có sắc. Trong đây nếu nói rằng: “Đức Như lai có năm căn, năm trần v.v... vô lậu, nghĩa là đủ mười một sắc, Nhiếp Luận như dịch vào đời Lương chép: “Mười tám trong thân thọ dụng là thân sắc; bốn ấm là thân hành. Thân tự tánh, Sắc, Hành, không thật có, thân thọ dụng chẳng phải thân tự tánh. Sắc của quả Phật này thuộc về Chánh trí. Nếu nói rằng: “Chư Phật không có sắc thân, chỉ dùng Đại trí; Đại Định và Đại Bi làm Thể thì Chánh trí không có sắc. Vì thế, nên trong phân biệt bốn niệm trụ, dưới đây sẽ nói: “Chánh trí chỉ là cảnh của ba niệm trụ, trừ Thân niệm trụ, y cứ ở thân không có sắc của chư Phật mà nói.”

Luận sư Bị nói: “Vì sao tướng trong sinh tử lấy “phân biệt” làm thể, lại lập sự tướng? Sắc của quả Phật thuộc về Chánh trí, không lập riêng làm tướng ư?”

Giải thích: “Vì chấp giả đối ngoài tâm có tướng theo tính chấp đó, lập riêng môn tướng. Đức Phật thấu suốt đạo lý Duy Thức, không chấp ngoài tâm có sắc, tức thuộc chánh trí.”

Lại, có chỗ giải thích: “Quả Phật thuộc về các tướng như sắc v.v... Nhưng vẫn dưới nói tướng là trói buộc ba cõi, nghĩa là vì đối với “phân biệt” chỉ nói tướng hữu lậu, thật ra có cả không trói buộc.”

6/ Môn hữu lậu, vô lậu, tướng có cả hai thứ, như tướng căn trần v.v... của thân người vô học, vì lìa Tùy miên cũng gọi là vô lậu.”

Lại, giải thích: “Hư không Phi trạch diệt là thuộc về tướng, nên có cả hai thứ. Hai thứ chỉ có hữu lậu, nghĩa là danh và phân biệt chỉ hữu lậu. Dưới đây luận nói: “Phân biệt ba đế, trừ diệt đế, nghĩa là theo luận Du-già chép: “Có ba thứ đạo đế. Thuận Quyết trạch phần v.v... cũng thuộc về đạo đế. Chân như là đạo đối trị. Nghĩa sở duyên của lậu tận, gọi là vô lậu, chẳng phải trí đối trị, có thể dứt hết nghĩa lậu, cho nên là vô lậu.”

Lại, giải thích: chân như chẳng phải “nghĩa tận tướng của trạch diệt, nghĩa tận tướng của Trạch diệt là thuộc về tướng.

7/ Chân như trong môn hữu vi, vô vi, chỉ vì đối trị để cho nghĩa sở duyên của tướng vắng lặng của các hành, nên thuộc về vô vi. Tuy nhiên chân như chẳng phải trí đối trị khiến cho nghĩa tướng vắng lặng của các hành.”

Lại, giải thích: “Chân như chẳng phải là nghĩa Trạch diệt của tướng vắng lặng của các hành. Nghĩa Trạch diệt, là tướng vắng lặng của các Hành là thuộc về tướng.”

8/ Môn hữu tránh, vô tránh ba đối, đẳng so sánh với hữu lậu, vô lậu ở trước.

9/ Chân như trong môn hai đối của thế gian, xuất thế gian, là đạo đối trị, có thể khiến cho tất cả ngôn thuyết, hý luận trở thành nghĩa sở duyên của trí vắng lặng của thế gian, gọi là thể chân như của xuất thế gian, chứ chẳng phải vượt qua nghĩa đối trị tướng ngôn thuyết, hý luận nên gọi là xuất thế gian.

10/ Môn phân biệt bốn đối như trong, ngoài v.v... Bồ Khuyết rằng: “Danh chỉ là ngoài, nghĩa là vì thuộc pháp nhập. “Phân biệt”chánh trí có cả trong lẫn ngoài. Tâm vương là trong, vì thuộc về ý nhập; tâm sở khác là ngoài, vì thuộc về pháp xứ. “Chân như chẳng phải hai”, nghĩa là không đồng với bốn pháp còn lại, vì vừa là trong vừa là ngoài, nên nói “chẳng phải hai”. Theo lý của tướng pháp, thì chân như thuộc về pháp xứ ngoài, nên nói chẳng phải tương, vì nghĩa “cực lược” giảm dần, nghĩa không đồng với sắc pháp trong tướng giảm dần đến một cực vi lược, gọi là tế. Chỉ vì nghĩa khó biết, nên gọi là tế.

Luận sư Chương nói: “Phân biệt” thuộc về “duyên”cảnh sinh.

Vì “duyên” chung trong, ngoài, nên có cả hai thứ. Hậu đắc, chánh trí, cũng thế. Chân như chỉ có nghĩa tế khó biết, chứ chẳng phải vì đồng với tướng sắc, từ nghĩa thô đến tế, giảm dần đến cực vi, nên có cả thô tế, chánh trí chỉ nghĩa hạnh tế; chân như thì cảnh tế.

“Gần, xa thuộc nhau”. Tạp Tâm chép: “Xứ xa, như Thiên trúc, Chấn Đán. Thời gian xa, như khi Nhân thức ở trước đối với nhân thức sau, vì thời gian xa. Tướng do nơi chốn, thời gian gần, xa, nên đều có cả hai thứ gần, xa. Bốn trần của Thiên Trúc, Chấn Đán vì thuộc về tướng, nên có xứ gần, xa. Các tướng hữu vi có thời gian gần, xa, gọi là ba pháp danh, phân biệt và chánh trí đều là hữu vi, đều không có cả thời gian gần, xa. Hai thứ chân như do hai thứ gần, xa, nên không thể nói là gần, xa. Nếu theo Tạp Tâm thì hiện tại và vô vi, là nói gần, vì vô vi tùy theo hiện tại kia mới chứng được, nên khác với văn này”.

Luận sư Bị nói: “Hai sự tướng, danh được y cứ ở xứ để nói về trong ngoài. Phân biệt, chánh trí đồng là pháp hữu tình, nên nếu y cứ vào cảnh sở duyên để phán quyết trong, ngoài thì thân trong được gọi là “duyên” trong; thân ngoài gọi là ngoài”.

Hỏi: “Vì sao không nói danh chỉ là sinh ư?”

Đáp: “Vì thiếu”.

11/ Môn có chấp thọ, không chấp thọ.

12/ Môn này đồng, phần đồng kia (rất dễ hiểu)

13/ Môn sáu đối như nhân chẳng phải nhân v.v...

Pháp sư Chương nói: “Trong đây, nói về nhân duyên, nhân quả. Chân như chẳng phải nhân duyên, nhân quả. Trong đây có bốn môn:

a) Môn thể là nhân chẳng nhân.

b) Môn thể là quả chẳng quả.

c) Vì quả thì có nhân, nên gọi là có nhân, chứ chẳng phải quả gọi là chẳng có nhân.

d) Vì nhân hay có quả, nên nhân gọi là có quả, chứ chẳng phải nhân gọi là chẳng phải có quả.

Báo, chẳng phải báo nghĩa là báo trong tướng. Năm căn, Trần là Dị thực, pháp khác chẳng phải Dị thực. Vì tiếng chẳng phải báo, nên gọi là cũng chẳng phải Dị thực. Thức thứ tám trong phân biệt và sáu thức của báo là Dị thực, pháp khác chẳng phải Dị thực; nên có cả hai thứ. Chánh trí đã chẳng phải Dị thực.

Các Luận sư xứ này nói: “Báo. “Biến dịch” là vô lậu, là không đúng.

Có báo, không có báo, nghĩa là thiện, bất thiện hữu lậu trong

tướng và phân biệt là có báo. Vô ký, vô lậu vì không có báo, nên có cả hai thứ. Danh là vì vô ký nên chẳng có báo. Nhưng giả không có tự thể, lấy tiếng làm thể. Y cứ ở thể mà nói, cũng được nói có báo, nên không nói rằng: “Nhất định chẳng có báo”. Chánh trí là vô lậu, quyết định chẳng có Dị thực.

Các sư xứ này nói: “Nghịệp vô lậu là nhân của Biến dịch sinh tử, cũng có báo” là không đúng! Bởi vô lậu chỉ được tư chất (tư lương), còn nghịệp hữu lậu thì được báo Biến dịch, nên nói rằng: “Nghịệp vô lậu làm nhân”. Tuy nhiên, vô lậu chẳng phải nhân của báo, do vậy chẳng có báo”.

Luận sư Bị nói: “Vì sao chân như chẳng phải là nhân “năng tác”.

Giải thích: “Y cứ vào môn bốn duyên ở trên, nên lập ra hai cách giải thích: “phân biệt” có cả Dị thực, phi Dị thực, nghĩa là phân biệt Lại-da là Dị thực. “Phân biệt” của thức sáu, bảy chẳng phải Dị thực. Phương tây có hai giải thích:

1) Giải thích: Cái do “Thiện, ác chiêu cảm là Dị thực, pháp khác là chẳng phải.

2) Giải thích: “Sáu thức hoàn toàn chẳng phải Dị thực.

14/ Môn bốn cặp có sở duyên, không có sở duyên v.v... tâm, tâm sở, gọi là có sở duyên, gọi là tương ứng gọi là có hành, gọi là có căn sở y, nên so sánh để nói.

15/ Môn có trên, không có trên. Luận sư Chương nói: “Chín mươi chín trong một trăm pháp đều có trên. Vì pháp chân như có, nên chỉ có chân như gọi là không có trên (vô thượng) nên pháp còn lại không có lỗi. Vô vi phân biệt khác với chín mươi bốn pháp hữu vi. Nghĩa đối tượng duyên của trí phân biệt thanh tịnh phân biệt khác với Trạch diệt v.v... tất nhiên là vô vi.

16/ Môn ba đời chẳng phải đời. Bốn thần thông, ba đời. Chân như chẳng phải ba đời. Bồ khuyết rằng: “Ở trước, y cứ vào sự giống hệt với bản chất, nên là vô vi. Nay, thuộc về tướng từ “không” chỉ là hữu vi thuộc ba đời.

Luận sư Bị nói: “Tướng trong môn thuộc về uẩn trước đây, có cả hai thứ, nghĩa là y cứ có cả hai tướng để nói, còn ở đây vì chỉ y cứ vào tướng của tướng, nên không trái nhau”.

17/ Môn trói buộc ba cõi. Bồ khuyết rằng: “Sự trói buộc của cõi Dục, cõi Sắc có ba: Tướng, Danh, và phân biệt. Sự trói buộc của cõi Vô Sắc cũng thế, nghĩa là cũng có, ba pháp tướng, danh, phân biệt.

Hỏi: “Nếu vậy, tức lẽ ra phải nói trói buộc ba thần thông, ba đời.

Nhưng vì sao lại luận riêng về Vô Sắc ư?”

Giải thích: “Danh của cõi Dục, cõi Sắc có hai thứ: Danh của ngôn thuyết và danh của tư duy. Vì cõi Vô Sắc chỉ có danh của tư duy, nên nói là biện luận riêng”.

Chương Luận sư nói: “Hỏi vì sao trong môn phân biệt hữu lậu, vô lậu ở trước, chân như và Chánh trí chỉ có vô lậu. Nay, ở đây lại nói hai thứ thân thông, chánh trí trói buộc, không trói buộc? Há, có thể chánh trí chỉ có vô lậu mà nói là trói buộc ư?”

Đáp: “Môn trước vì y cứ ở hai thứ chân thật, chánh trí của tâm định, nên chỉ có vô lậu. Giờ đây, nói chung chánh trí của tâm tán địa thượng, là vì hữu lậu, nên có cả trói buộc”.

Luận sư Bị nói: “Vì ở đây nói về Trí Hậu đắc của đạo Như lai, nên chỉ có không trói buộc, chánh trí của Bát địa trở lên cũng thế. Thất địa trở xuống, về nghĩa thì không nhất định. Nếu từ sau chánh thể trí, nối tiếp nhau sinh, gọi là không trói buộc. Nếu chẳng phải nối tiếp nhau sinh, thì đó là sự trói buộc của ba cõi. Hoặc có thể từ Sơ địa trở lên, Hậu trí không trói buộc, còn Địa tiền là trói buộc. Lại có thể Hậu trí của Nhị thừa là trói buộc, trí của Bồ-tát thì không trói buộc. Cũng có thể Trí Hậu đắc của Hữu học Nhị Thừa gọi là trói buộc; còn Trí Vô học, chẳng phải trói buộc”.

18/ Môn phân biệt ba tánh. “Danh” chỉ có vô ký, nghĩa là nói theo tướng thô thì thật là có cả thiện, vì danh cho quả Phật và Bát địa trở lên, phát ra v.v... là tánh thiện, nên chân như chỉ thiện, vì là nghĩa sở duyên của trí vô phân biệt, thiện xảo, thanh tịnh, nên là thiện thắng nghĩa, chứ chẳng phải làm nhân dẫn đến sinh nghĩa tướng của quả đáng ưa, nên gọi là thiện.”

19/ Môn Cảnh, Hạnh của ba Tuệ. Bồ khuyết rằng: “Hỏi: “Ý như năm pháp này, có bao nhiêu pháp do văn v.v... sinh ra; hoặc do văn v.v... tăng trưởng, hoặc do văn v.v... được sáng tỏ, đều gọi là sở thành, bao nhiêu là cảnh của ba tuệ ư?”

Đáp: “Tướng” và “phân biệt” là do ba tuệ được thành tựu, là cảnh của ba tuệ. Nghĩa là tướng do ba tuệ được sáng tỏ. Về sau biểu hiện tướng của ảnh tượng, gọi là ba tuệ thành tựu. Lại, do ba tuệ hữu lậu hiển rõ nghĩa văn xong, tăng trưởng phân biệt, cũng là thành tựu của ba tuệ, gọi là Văn, Tư sở thành là ba thứ cảnh, nghĩa là do Văn, tư nên “danh” của tướng phần khởi, nên nói rằng: “Danh là do Văn, Tư được thành, là cảnh của ba tuệ. Chân như chỉ là cảnh do tu được thành, nghĩa là do tu nên thể hiện, tức là cảnh của tu. Chánh trí là do tu thành, nghĩa là chánh

trí nhờ định, mà khởi, gọi là tu sở thành là cảnh của ba tuệ. Y cứ duyên bản chất là cảnh của ba tuệ.”

Luận sư Cảnh nói: “Dựa theo văn này, thì chánh trí chỉ tu tuệ. Y cứ luận ở trước nói: “Nếu thế gian, xuất thế gian, có cả trói buộc (hệ thuộc) và không trói buộc (không hệ thuộc), thì Thất Địa trở xuống, Trí Hậu đắc, hai thần thông khởi đắc tu tuệ hữu lậu”. Theo thuyết trước nói: “Chân như chánh trí chỉ vô lậu” ấy, là y cứ trí chánh thể mà nói, cũng có thể hệ thuộc cõi, vì tánh của chánh trí là có hữu lậu, vì bị sự thô nặng theo đũa, nên hệ thuộc cõi.”

Luận sư Bị nói: “Vì tướng có cả “phân biệt”, nên “tướng” và “phân biệt” khéo có cả qua ba tuệ là cảnh của ba tuệ. Hai Tuệ Văn, Tư cũng phát ngữ nghiệp, nên dựa vào ngữ nghiệp, mà tiếng được có danh v.v...”

20/ Trong môn Hạnh, Cảnh của ba tam-muội. Bồ Khuyết rằng: “Hữu sau trong tướng là hữu lậu. Vì “không” “vô nguyện”, “vô tướng” nên là ba thứ, cũng là ba cảnh, gọi là chẳng phải vô vi, nên không làm sở duyên của vô tướng. “Phân biệt” có cả ba thứ, là hai thứ Cảnh, như Tướng, Danh. Nói Chân như chẳng phải ba thứ là “sở duyên” của “không”, “vô tướng”. Chánh trí chung cho ba tướng là cảnh “không”.

Trong văn trên, dưới, hoặc “duyên” đạo để làm “vô nguyện”. Hoặc nói là vô tướng, hoặc nói “không” v.v... Nay nói chánh trí chỉ do “không” đã hiện hành, nghĩa là nêu riêng một môn để luận.

“Nếu khác nhau v.v... trở xuống, là ba lần “lại nữa”, nhằm nói về sự khác nhau của ba Tam-muội đó:

Đầu tiên, nếu thể chẳng khác nhau, thì nói chung, gọi là “không”, “vô nguyện”; “vô tướng”. Thể chúng sẽ rộng, có cả ba Tuệ chỉ là hữu lậu. Nếu gọi là “không Tam-ma-địa”, cho đến “Vô tướng Tam-ma-địa”, thì chỉ do tu thành làm tánh, có cả hữu lậu, vô lậu. Nếu chỉ môn tâm giải thoát thì Tu tuệ vô lậu là tánh. Tát-Bà-Đa nói: “chỉ có hai, nếu nói ba Tam-muội, tức có cả hữu lậu, vô lậu. Nếu nói môn ba giải thoát, thì thể chỉ có Tu tuệ vô lậu là tánh.”

Luận sư Cảnh nói: “Theo văn này thì “không tam-muội” duyên có hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi làm cảnh. Vô nguyện tam-muội không duyên cảnh vô lậu hữu vi. Chánh trí chẳng phải đối tượng Duyên của vô nguyện.”

21/ Môn cảnh giúp của ba học Giới, Định, Tuệ. Bồ khuyết rằng: “Tướng là giới tăng thượng, quyền thuộc v.v... của giới tăng thượng, nghĩa là trong tướng có bảy Chi thiện thân ngữ căn bản là tự tánh giới.

Phương tiện v.v... trước sau khác là quyền thuộc của giới. Tuệ, Tâm hữu lậu của hữu sau trong tướng cũng là sở hành của Tu tuệ, gọi là “sở hành” tuệ tâm, quyền thuộc của giới. Nghĩa là “Danh” chẳng phải thể của bảy chi giới của thân ngữ, chỉ dựa vào tâm giới được giả lập trên tiếng của ngữ nghiệp trong giới. Cho nên, ở đây gọi là quyền thuộc của giới, cũng là “sở hành” (đối tượng hiện hành) của Tuệ. “phân biệt” Tâm Tuệ này, cũng là “sở hành” của Tuệ, Tâm, là quyền thuộc của giới. Nghĩa là do “phân biệt” nên thọ trì giới, nên là quyền thuộc của giới.

Chánh trí là quyền thuộc của giới, nghĩa là do sức tuệ này khởi đồng thời với giới của đạo, định v.v... nên là quyền thuộc.”

Luận sư Chương nói: “Tướng” là thể của giới tăng thượng của hai nghiệp thân, ngữ phát nghiệp. Bốn uẩn là quyền thuộc, gọi là quyền thuộc giới của ngữ nghiệp.”

22/ Ba môn như học v.v... “Tướng” và “phân biệt” có cả ba học. Luận sư Bị nói: “Tướng có cả Học vì ba Học có cả hữu lậu, nên nói rằng: “Thiện giải thoát phần, Luận Du-già nói là Vị tri căn; Dục tri căn, nói là Học. Tâm thiện hữu lậu vì đã khởi ở thân người vô học, nên nói là vô học. Nhưng, phân biệt Học, Vô Học chỉ là hữu lậu, nên thuyết trước nói hai thứ danh và phân biệt chỉ có hữu lậu.”

23/ Môn phân biệt ba dứt trừ. Pháp sư Chương nói: “Danh là “không ẩn một vô ký”, nên chỉ do tu đoạn.” Luận sư Bị nói: “Các danh hữu lậu, nên do tu dứt trừ.”

Nếu vậy, danh mà La-hán có, vì sao giải thích là phán quyết phần nhiều.”

24/ Môn Cảnh của bốn niệm, trụ. Bồ Khuyết rằng: “Lại, tư duy của tướng thân, của tu pháp niệm trụ của duyên hư hoại, nghĩa là ở trước “duyên” sắc thân là Thân niệm xứ. Nay, quán chân như tức là pháp niệm trụ của duyên hư hoại. Tướng của như Thọ, Tâm, Pháp phải biết cũng thế. Nghĩa là cũng quán chân như Thọ v.v... tức là quán chung Thân, thọ, tâm, pháp. Tất cả chân như gọi là pháp niệm trụ “duyên” hoại.”

Luận sư Chương nói: “”Duyên” Thể chân như là pháp niệm trụ “duyên” không hư hoại. Lại, khi tư duy tướng thân nhập Chân như, thì nghĩa chân, tục không khác nhau, cũng tu pháp niệm trụ của “duyên” hư hoại. Tướng của ba niệm trụ: Thọ, Tâm, Pháp cũng thế.

“Duyên” Chánh trí làm cảnh, tu ba niệm trụ trừ Thân niệm trụ, nghĩa là nói Đức Phật đã biết chung sắc vô lậu v.v... vì không khác với thức, nên trong Chánh trí không nói cảnh tu thân niệm trụ, cũng không

nói có danh của vô lậu, vì tâm, tâm pháp phân biệt hữu lậu thấy có danh, nên Danh chỉ hữu lậu. Tâm, tâm pháp vô lậu không thấy ngoài tâm có Danh và các Sắc v.v... riêng. Danh và sắc v.v... chỉ có hữu lậu”.

25/ Môn vì cảnh xả giới. Bồ khuyết rằng: “Nếu Chánh trí “duyên” chân như thì tức là dứt hẳn tùy miên, nghĩa là trong một niệm, kiến phần “duyên” chân như, tự chứng phần vì “duyên” nổi kiến phần dứt trừ, nên nói rằng: “Duyên” chân như và chánh trí dứt hẳn tùy miên.”

Luận sư Chương nói: “Phương Tây nói rằng: “Vì chánh trí tự phản chiếu, nên “duyên” chân như, chánh trí làm cảnh, có thể dứt hẳn tùy miên. Nếu “duyên” riêng Chánh trí thì vì chẳng phải quán vô tướng, nên không thể dứt “hoặc”.”

Nay, giải thích: “Vì tư duy chân trí, nhập Chân như, nên nói là “duyên” chánh trí chân như làm cảnh, dứt hẳn Tùy miên. Như tướng của tiền thân cũng tu pháp niệm trụ của “duyên” hư hoại.

Nếu lời nói như phản chiếu nên nói là “duyên” chánh trí, thì lẽ ra lúc “duyên” chân như, sẽ phản chiếu Thọ, Tâm, Pháp, khi “duyên” chân như, tu ba niệm trụ.

Vì y cứ ở trí để nói về “không”, nên kinh nói rằng: “Đệ nhất nghĩa không, gọi là biết Tuệ.”

26/ Môn nhập cảnh định, trong đó, trước nói về nhập cảnh định hữu lậu, sau nói về nhập cảnh định vô lậu.

Trong phần trước, Bồ khuyết rằng: “Duyên” dục có ba: Khổ, thọ, chướng. “Duyên” Sơ thiền ba là chánh mẫu nhiệm. Với “duyên” như thế, hàng phục tu hoặc của cõi Dục, được vào Sơ thiền, cho đến tư duy Phi tưởng và ba vô sở hữu xứ được nhập Phi tưởng.”

Luận sư Bị nói: “Do Pháp ưa nhằm chán trói buộc địa, nên trừ chân như, chánh trí.”

“Nếu vậy, thì pháp trói buộc mà La-hán v.v... đã có, cũng là chánh trí? Về sau, khởi chẳng phải pháp mà người khác đã nhằm chán?”

Giải thích: “Trí thế gian của A-la-hán v.v... có hai môn: 1- Thuộc về phân biệt. 2- Thuộc về chánh trí. Văn này y cứ ở môn phân biệt để luận.

Kế là, trong phần nói về nhập cảnh định vô lậu, trước, là y cứ vào bảy định, nhằm nói về nhập. Vì sao không nói chánh trí?” Vì tâm “năng nhập”, “sở nhập”, nên lược qua không luận. Sau, nói về Hữu Đảnh không có định xuất thế v.v...

27/ Môn Căn, Lực, Giác v.v... Bồ khuyết rằng: “Về đạo lý, Tín v.v... cũng “duyên” phân biệt, cũng dùng phân biệt làm tự tánh của tín,

... cho nên không nói duyên theo phân biệt kia rằng.

Luận sư Chương dùng năm sự, phân biệt năm căn, năm lực, cho đến chỉ, quán. Theo luận Trung Biên, thì năm căn ở Noãn, Đảnh, năm Lực ở Nhãn và Đệ nhất. Vì ở chung trước kiến đạo, nên lấy phân biệt làm tánh, duyên Danh, duyên Tướng làm bốn Tầm, Từ quán ở giai vị Noãn, Đảnh, vì gọi là năm căn, nên gọi là tướng là sở duyên. Vì làm tăng thượng cho Chánh trí chân như ở trên Sơ địa mà được tên năm căn, năm lực cũng thế.

“Phân biệt” làm tự tánh, gọi là tướng là sở duyên, tạo nên bốn trí Như thật, quán ở nhãn và giai vị thứ nhất. Đối với Chánh trí, chân như trong địa làm tăng thượng mà được ban đầu, tên năm căn. Như năm căn thì năm lực cũng thế, phân biệt là tự tánh danh tướng là sở duyên, thực hành bốn quán như thật trí. Ở tại Nhãn và thứ nhất, đối với chân như chánh trí ban đầu làm tăng thượng mà được gọi là Lực. Như trước kiến đạo, căn và lực như thế. Bảy chi giác trước Kiến đạo, hoặc vì hay được chi Bồ-đề của Sơ địa, nên gọi là chi giác. Đây là chi giác của thế gian Địa tiền, nên dùng “phân biệt” làm tự tánh.

Nếu vì nương tựa vào chi Bồ-đề của Trí vô phân biệt của Sơ Địa, nên gọi là Chi giác, thì đây là chi giác vô lậu xuất thế, lấy chánh trí làm tự tánh, chân như làm đối tượng duyên (sở duyên) Giác ngộ an lập để làm duyên tăng thượng cho tướng Kiến đạo. Lại, tám đạo chi như Chanh kiến v.v... nếu là chi đạo của thế gian Địa tiền như trước, thì nên biết rằng, “phân biệt” làm tự tánh. Nếu chi đạo Vô lậu xuất thế dùng chánh trí làm tự tánh, trừ ba chi giới, vì không duyên. Năm chi còn lại, dùng an lập bốn để làm sở duyên cho phi an lập chân như, vì tám chánh ở Tu đạo xuất quán chân như, được “duyên” an lập bốn để. Kiến đạo tu bảy chi giác, chỉ vì khởi quán chân như, nên chỉ “duyên” Chân như.

Đối với Học đã chứng được tất cả công đức của lậu tận, hiện pháp lạc trụ làm tăng thượng. Như các chi đạo hoặc dùng “phân biệt” làm tự tánh. Hoặc dùng Chánh trí làm tự tánh an lập, chân như làm đối tượng duyên. Đối với lậu tận, hiện pháp lạc trụ là tăng thượng. Cũng như giải thích bốn hạnh ngăn ngừa bốn pháp già, chỉ quán cũng thế. Bốn hạnh tích trong đây dựa vào độn căn, nói là chậm lụt; dựa vào lợi căn, nói là nhanh chóng. Bốn định căn bản hiện pháp lạc trụ đã được, nói là lạc; chưa được nói là khổ. Kiến lập khác nhau như thế. Nếu các bốn pháp tích dựa vào khả năng gìn giữ Thắng nghĩa của giới thế tục, sự khác nhau của chánh pháp định, tuệ được kiến lập. Nghĩa là do giữ gìn giới tăng thượng, chánh pháp của thế tục, nên kiến lập Sơ, Nhị vô tham, vô

sân. Do gìn giữ tuệ tăng thượng khác, chánh pháp thắng nghĩa, nên kiến lập hai chánh niệm, chánh định sau. Luận Đối Pháp quyển mười nói: “Bốn chánh hạnh là: Khổ trì thông hạnh. Khổ tốc thông hạnh, Lạc trì thông hạnh, Lạc tốc thông hạnh. Thứ nhất là độn căn chưa được thiền lực căn bản. Thứ hai lợi căn chưa được Tĩnh lực căn bản. Thứ ba, là căn chậm lụt đã được tĩnh lực căn bản. Thứ tư, là căn nhạy bén đã được tĩnh lực căn bản.

Bốn pháp tích: là Vô tham, vô sân, chánh niệm, và chánh định, Vô tham, vô sân, có công năng làm cho giới học tăng thượng được thanh tịnh, không đồng với môn tham, giận dữ, hủy phạm học xứ giới. Chánh niệm, khiến tâm học tăng thượng thanh tịnh, vì không có quên mất đối với sở duyên. Chánh định khiến cho tuệ học tăng thượng thanh tịnh, bởi tâm định là khả năng biết khắp như thật.”

28/ Môn Giải thoát Thắng xứ, Biến xứ. Bồ khuyết rằng: “Hỏi: “Vì nương tựa chủ thể giải thoát hai ràng buộc, nên lập tám giải thoát, nghĩa là ý kiến lập tám giải thoát. Đối với năm sự dùng cái gì làm tánh là một câu hỏi: Dùng sự nào làm đối tượng duyên? Là câu hỏi thứ hai: sự nào tăng thượng, là câu hỏi thứ ba.

Trong phần đáp, trước hết, nói về giải thoát dùng chung hai trí như lý, Như lượng làm tánh. Bảy giải thoát trước là Trí Hậu đắc.”

Luận sư Khuy Cơ v.v... cho rằng: “Ba giải thoát đầu trong tám giải thoát nương tựa vào năm Địa: Bốn thiền và cõi Dục. Năm giải thoát sau có cả khắp chín Địa.

Giải thoát đầu và thứ hai, hiển sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Sau, tức quán chân như hiển sắc này. Cho nên lấy chung hai trí làm tánh. Văn này là nói giải thoát đầu, thứ hai chẳng phải chỉ lập quan bất tịnh. Quán sắc tịnh, bất tịnh trong giải thoát thứ ba, lần lượt đối đãi nhau, đối đãi với bất tịnh được có sắc tịnh. Lại vì đối đãi với tịnh nên có được sắc bất tịnh. Vì cho nên tịnh, bất tịnh, tánh của chúng không nhất định.

Đã hiểu rõ đối đãi nhau, kế là, quán tùy theo nhau, chỉ có sắc tịnh, tức có sắc bất tịnh theo. Có sắc bất tịnh, tức có tịnh theo.

Đã hiểu rõ tâm quán theo nhau tự tại, cho nên, giải thoát thứ ba, quán chung một vị làm tướng thanh tịnh. Vì y cứ vào hạnh quán này, nên nói tức trong các sắc, dùng tướng nhiếp thọ và tức quán chân như sắc tịnh kia. Như thứ lớp bốn Không giải thoát, đều lấy bốn uẩn của Địa mình và chân như kia làm đối tượng duyên. Giải thoát của diệt tận không có đối tượng duyên (sở duyên).

Lại, “Người tu quán v.v... trở xuống, là nói lại ý tu giải thoát. Ba

giải thoát trước trừ chướng không tự tại của Sắc v.v... Sau là giải thoát dứt trừ các chướng không tự tại của Vô Sắc.

Kế là, nói về Thắng xứ. Bốn thắng xứ trước, như giải thoát thứ nhất, thứ hai. Bốn Thắng xứ sau, như giải thoát thứ ba, do chia ra ba giải thoát trước làm tám thắng xứ. Vì Thắng xứ duyên sắc, duyên Chân như, có chung hai nghĩa thứ nhất. Hai nghĩa là một, như nói ba giải thoát trước. Từ vô thí đến nay, chấp tướng tịnh của sắc làm cảnh, đã bị cảnh lôi kéo vượt hơn tâm, tâm không được tự tại.

Thời nay, quán sắc cho là bất tịnh. Đôi khi quán tịnh, xiay vẫn xả bỏ, đều được tự tại. Nếu khi đối với sự sắc, có thể hàng phục vượt hơn, cũng là lúc đối với bốn uẩn Vô Sắc, được tự tại vượt hơn, nên chẳng phải nói quán Thắng xứ của tâm.

Quán chung sắc, tâm, nghĩa là vì không muốn nói về thắng đức, nói về vô biên, nên phạm phu dù tạo nên quán tám thắng xứ, nhưng chỉ “duyên” sắc, không quán chân như. Nay các bậc Thánh quán sắc và chân như, gọi là tri kiến vượt hơn. Phạm phu chỉ do ba chung, nên gọi là Thắng xứ, chứ chẳng phải do duyên chân như mà gọi là thắng. Bậc Thánh lại do “duyên” Chân như nên vượt hơn. Dưới đây sẽ nói về biến xứ:

Từ quán bốn Thắng xứ Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng kia, chuyển thành quán bốn Biến mãn xanh, vàng, đỏ, trắng, nên nói rằng: “Do sự “sở duyên” của Thắng xứ, chứ chẳng phải chỉ quán bốn sắc biến mãn kia, mà cũng quán khả năng tạo đất, nước, lửa, gió và duyên chân như của bốn Đại, bốn sắc”.

Nói khác nhau ở đây, nghĩa là cũng dùng tướng đại chủng làm sở duyên và tướng chân như kia làm đối tượng duyên, đều nói là tướng; Y cứ năm pháp, đầu tiên, sắc và chân như trong tướng thứ nhất là tướng “sở duyên”. Lại, quán tướng của Không, thức vô biến xứ và tướng chân như kia. Nếu không duyên cảnh đầy khắp (biến mãn) của chân như, “sở duyên” của Không, Thức kia, thì có thể dựa vào Không, thức không thành đầy khắp, vì sự biến mãn của chân như “sở duyên” kia, được gọi là đầy khắp.

Nói “Do thế lực đầy khắp của Thắng xứ, đã giúp cho các giải thoát cũng được thanh tịnh”: Văn này là nói Thắng xứ là biến xứ đầu tiên, giải thoát thứ hai là sau cùng.”

Pháp sư Thái giải thích về ba khoa Công đức trong Nhiếp Luận rất sáng suốt là chướng ngại. Luận ấy nói: “Biến xứ chỉ nhân hoàn toàn hữu lậu. Giải thoát chỉ quả hoàn toàn vô lậu. Thắng xứ ở nghĩa chính

giữa có ở khắp nhân, quả. Trong phần nói về Thắng xứ, chỉ là rốt ráo, tức là tên quả, chỉ là vô lậu, tức có cả nhân quả; là vô lậu chẳng phải rốt ráo, nghĩa là tám thắng xứ đã được quán Không, gọi là vô lậu. Đối với tám giải thoát là nhân chẳng phải quả, nên chẳng phải rốt ráo.

Là rốt ráo chứ chẳng phải vô lậu, nghĩa là lúc đầu khởi tu trong tám thắng xứ là quả của Biến nhập kia, gọi là rốt ráo, chưa được quán Không, gọi là vô lậu.”

Luận sư Bị nói: “Nhiếp Luận bản cựu dịch chép: “Là vô lậu chứ chẳng phải rốt ráo v.v...”: là nghĩa của luận Thành Thật được tra cứu ở bản Phạm Thích luận, không có văn này.”

Pháp tu ba khoa có hai thứ lớp:

1/ Thứ lớp Sơ học, trước được giải thoát, kế là, được thắng xứ.

Sau, được biến xứ.

2/ Thứ lớp “quán không”: Trước, biến xứ; kế là, Thắng xứ, sau, là giải thoát.

Nay, ý văn này, y cứ ở phần sau để luận. Nếu vậy thì sao trong đây, trước nói thắng xứ, kế nói biến xứ, giải thoát ư?”

Giải thích: “Vì ở đây y cứ vào thuyết nói có thứ lớp trước, sau chứ chẳng phải quán, hạnh trước sau.”

